

Năm thứ hai — Số 62
Tuần - lễ từ thứ tư 2 đến
thứ ba 8 Septembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------------|
| Những tằm trên tên đăng trên bìa thờ Văn-hóa Hoa-Bàng | |
| Cái chết của Trần Tiến-Thành (II) | Đào Duy-Anh |
| Phê-bình văn-học | Ứng-Hòa Nguyễn Văn-Tổ |
| Tra nghĩa chữ nho (XVI) | Ứng-Hòa |
| Phê-bình « <i>Đợ sống</i> » | Hội-Thống |
| Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, V) | Nhật-Nham |
| Tiết tháo các ông thầy và tình thầy trò | |
| hồi trước (I) | Tiền-Đàm |
| Nam dân hát chầu tục thếo (IV) | Tùng-Vân Nguyễn Đức-Phục |
| Tài-liệu để đính chính những bài văn | |
| cổ (XXXIX) | Nguyễn Văn-Tổ |
| Bản sách-dẫn về « <i>Đại-Nam liệt</i> | |
| truyện» (VI) | Thọ-Xuân Lê Văn-Phúc |
| Trúc mai sum-hợp (Tiểu-thuyết, XI) | Chu-Thiên |

Những tâm thân tàn dăng trên BÀN THỜ' VĂN-HÓA

HOA-BÀNG

TUẦN-LỄ trước, nhân vào Hạ-đông thăm Tùng-Vân Nguyễn Đôn Phục tiên-sinh, lam dự một buổi hội-đàm về văn-học, tôi vô-cùng cảm-động trước sự cố-gắng của vị lão-thành ấy đang dăng lên bàn thờ Văn-hóa Đại-Nam những cái sở-học và sở-đặc với chút khi-lực hầu tàn!

Tiếp chuyện chúng tôi, tiên-sinh, cảm giáo quặt gổ dịp xuống mặt ghế ngựa, nói về những chuyện văn-học, chẳng hạn như:

1. — Ta nên cho nhập-tịch thật nhiều những tiếng chữ nho vào quốc-văn để làm giàu cho Việt-ngữ. Nhưng trong việc này, ta phải khôn khéo và thận trọng, mới làm được những tiếng chữ Hán ấy dễ an-nam-hóa, mới khiến cho tiếng mẹ đẻ mỗi ngày một phong phú thêm lên.

Muốn làm công-việc ấy, ta phải noi theo cái bi-quyết của các cụ xưa đã nhập-tịch những tiếng chữ nho vào trong văn chương Nam - việt, chẳng hạn như lối cụ Nguyễn Du đã dùng trong truyện Kiều...

Rồi Tùng-Vân tiên-sinh đọc cho chúng tôi nghe một thí dụ lấy trong bài thơ «Thăng-long thành hoài cò» của bà huyện Thanh-Quan:

« Lối xưa xe ngựa hồn thu
thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương. »

Những chữ như « thu thảo » và « tịch dương » ấy đã được tác-giả bài thơ trên cho nhập-tịch một cách rất khéo.

2. — Tiếng ta là thứ tiếng đơn

âm, nên văn ta cũng như văn Tàu, có cái đặc-điểm là đối nhau. Ta nên gây nuôi chỗ sở-trường ấy của văn-chương nước mình khiến nó giữ được tích-cách cố hữu và nhuộm một màu sắc xứ sở. Như thế mới không làm mất cái bản-tướng của mình, mà gây được một nền quốc-văn giàu thịnh. Bây giờ nhiều người không hiểu lẽ đó, bỏ mất cái lối đối nhau, làm cho quốc-văn mất hẳn đặc-tính của đất nước!

3. — Từ xưa đến giờ, người mình vẫn có thói quen chơi câu đối. Nhưng, trước kia Hán-học còn thịnh, nhiều người còn biết chữ nho, thì đối với món chơi câu đối ấy còn có ý thức. Bây giờ những tay thông nho rất hiếm, thế mà câu đối vẫn viết bằng chữ nho, há chẳng không thích-tợp với thời-đại nữa?

Vậy sao ta lại không chơi câu đối nôm vừa dễ giữ lấy ngón chơi phong-nhã của mình, vừa dễ rèn-luyện cho quốc-văn ngày một thêm tiến? Nhưng viết bằng chữ nôm? Đã không tiện, lại khó cho người đọc! Chỉ bằng ta lợi dụng ngay lối chữ quốc-ngữ viết như chữ triện quấy trong một vòng tròn như trước kia đã có một đôi nhà hàng câu đối hoặc viết hoặ: thêu đó...

Càng nghe Tùng-Vân tiên-sinh nói chuyện về văn-học đại-khải như thế, tôi càng cảm thấy trong thi-nhân có một tâm-hồn cao-khiết ấy, ở nơi đóy lòng, bao giờ cũng vẫn âm-ý dăm một ngọn lửa nhiệt-thành với quốc-văn, dầu

lừ khi bất hạnh phải lảng mình hàng 12 năm nay cũng vậy.

Thuật lại một vài mẩu chuyện ấy của tiên-sinh đã nói, tôi không ngoài mục-dịch muốn chứng thực rằng những nhà văn chân-chính xưa nay dầu đến khi tâm thân đã tàn, hơi sức đã hầu kiệt, cũng vẫn can-đảm, hăng-hái, vui-vẻ dăng trọn mình làm hi-sinh trên bàn thờ Văn-hóa.

Mặt đối mặt, lòng thấu lòng, tôi đâu phải sắt đá mà không bồi-hồi trạnh cảm trước tấm gương tận tụy với văn-học ấy!

..

Nói đến đây, tôi lại liên-tưởng tới những danh-nhân trong lịch-sử dòng, tấy đã từng phấn-đấu với tật nguyên, xông pha trên trận bút đàn văn, rồi hát được những bài đặc - thắng rất vẻ-vang, rất oanh - liệt:

Tả-Khấu và Mao Thanh - Sơn cũng mù, cũng phải sống những mẩu đời tối-tăm thảm đạm. Thế mà họ cứ trung - thành với cán bút, cứ hăng hái lần bước lên đường « lập-ngôn ». Rồi Tả làm được bộ Quốc-ngữ, Mao giải nghĩa và phê-bình được truyện Tỳ bà.

John Milton (1608 - 1674) cũng lòa, cũng phải lần chuỗi ngày « đắng cay » với bao ám - thăm đau-đớn! Nhưng không hề rùn chỉ ngã lòng trước sự thử - thách khắc-nghiệt gay - go của Tào-hóa, thi-sĩ Milton cứ làm cho ánh sáng phải ghen bằng cách sống trong tia chân quang của cõi đời lý-
Xem tiếp trang 5

Cái chết của

TRẦN

TIỀN-THÀNH

(tiếp theo kỳ trước)

ĐÀO DUY-ANH

TRƯỚC kia, hồi tháng 8, vua Hiệp-Hòa đã muốn giảm quyền Tôn thất-Thuyết. Khi Thuyết thấy dự luận dị-nghị là mình chuyên quyền, ông muốn hòa hoãn nhân tâm nên giả-đò xin vua giải binh quyền của mình.

Vua Hiệp-Hòa nắm lấy lời tâu xin ấy, dời Tôn thất-Thuyết từ bộ Binh sang bộ Lễ, rồi sang bộ Lại. Nhưng đời nào Thuyết chịu thả binh quyền ra! Dầu phải dời bộ, Thuyết không chịu bái mạng và nhận chức mới, vẫn cứ giữ việc bộ Binh trong tay vì chân Thượng thư bộ ấy vẫn không cử người thế.

Từ đó Tôn thất-Thuyết không tin vua Hiệp-Hòa nữa. Vả chăng, Hương-Sâm và Hương-Phi, ý thế vua, một hôm giám phi-nghị Tường và Thuyết giữa Triều đình Họ lại dâng mật phiến xin giết Nguyễn Văn - Tường, mà trong lời phiến có nói thêm rằng đã có trình việc ấy cho Trần Tiễn-Thành biết (1).

Viên thái-giám Phạm-Tạc đem

việc ấy báo với Nguyễn Văn-Tường. Tôn Thất - Thuyết bèn tuyển một đội quân riêng đặt tên là quân Phấn-nghia, gồm những người lực lưỡng táo bạo, mặc áo nẹp xanh, đội nón bọc vải xanh, cầm gươm mã tấu, khi nào cũng sẵn sàng đề cướp phá gết gióc.

Bấy giờ, Tuy Lý - vương đi thăm đại biểu nước Pháp là de Champeaux ở nhà Sứ-quan cũ — lấy cớ là đi xin thuốc tây. Vua Hiệp-Hòa nghe triều - thần dị-nghị về cử chỉ ấy, bèn triệu ngài vào cung hỏi chuyện rồi nói với triều thần rằng đức vương là người trung ái vững vàng, không nên lấy việc ngài giao-thiệp với người Pháp làm ngại. Sau đó mấy ngày, đại-biểu Pháp mời Tuy Lý-vương sang trú quan và tỏ ý muốn xin bề kiến Anna vua (2).

Vua lại sai quận-vương sang điều đình với de Champeaux về nghi thức triều kiến, rồi sáng ngày 28 Novembre 1883 (tức ngày 29 tháng 10 âm lịch), đại-biểu nước Pháp vào yết ở Văn-minh điện (3).

Tường và Thuyết thấy vậy biết rằng cơ nguy đã đến sau lưng, họ bèn nghĩ đến việc giết Trần Tiễn - Thành. Ta biết rằng sau khi hai người biết được tờ mật phiến của Hương-Sâm và Hương-Phi, trong ấy nói rằng có bàn trước với Trần-Tiến-Thành, thì tình thế của ông lại càng nguy hiểm.

Từ khi Thụy - quốc - công bị giam chết, Trần Tiễn-Thành cố xin nghỉ việc quan, nhất thiết ở nhà, trong hàng bách-quan không hề giao thiệp với ai cả.

Ông biết thế nguy đã đến nơi rồi, bèn cho tất cả người nhà về quê ở Minh-hương, chỉ một mình ở lại biệt-thự Chợ Dinh với một cô ái-thiếp (cô thứ tư tên là Lê thị-Như) và mấy tên đầy tớ để chờ.

Khi được tin báo, Tôn - thất-Thuyết sai ngay một toán lính Phấn-nghia đi giết Trần - Tiễn-Thành và Tuy-lý vương (5). Đêm cuối tháng, trời tối như mực, mà phố Chợ Dì h cũng như mọi phố bấy giờ chưa có thắp đèn. Toán lính do bọn Hương-Hàng, Hương-Chức, Hương-Tế — cả ba đều là hoàng phái — chỉ huy, đến trước biệt thự quan Phụ-chánh vào lúc canh ba. Cái nhà ấy làm theo kiểu

Vừa xuất bản

CHÚ' NHO HỌC LẦY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá: 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12. Cước đảm b. o Op 32

Thư và mandat để cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195, phố Hàng Bông — Hanoi

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Giá báo

Mỗi số	0 p 20
1 năm	8 80
6 tháng	4 80
3 tháng	2 80

Công số giá gộp đôi

Mua báo xin giá tiền trước

Phòng nhà xưa mà ngày nay ta còn thấy ở phố Gia - hội : phía trước là một cái nhà ba gian làm sát đường phố, trước kia tất dùng về việc buôn bán ; hai gian bên thì đóng bằng cửa xan, hay cửa lùa, còn gian giữa thì có hai cánh cửa xoay trên lề cối. Có một cái nhà cầu che phía tả cái sân, nối nhà ngoài với nhà trong có gác. Toán lính Phấn-nghia sắp hàng ở trước nhà, chỉ một chục tên sấn vào lấy khí giới đập mạnh vào cửa. Cả phố nghe ồn đều thức dậy, nhưng người ta tưởng kẻ cướp nên không ai giám ra. Song Trần tiến-Thành ở trên lầu nhà trong thì đã biết là truyện gì rồi. Người nhà sợ hãi không giám mở cửa, thì một vài tên lính chỉ thò mac vào khe cửa dỡ cánh cửa lên là nó bật ngay ra ngoài lề. Dăm bảy tên đi vào nhà trong có đèn sáng lơ-mờ. Một tên đi rước bung cái hộp sơn thường

đựng tờ phiến tấu hay chiếu chỉ. Bọn cầm đầu kêu lớn lên rằng : « Mời quan lớn xuống có việc cơ mật »! Ông nghe vậy, lấy áo dài đen mặc rồi do cô hầu đi xuống thang gác. Mới đi đến nửa chừng, đương dơ tay mặt để gài nút khuy áo thì một tên lính lấy mac đâm vào hông bên hữu, rồi mấy tên khác đâm lịa theo. Bấy giờ cô hầu hoảng hốt dơ càn tay ra đỡ đỡ cho chồng thì bị chém ở cánh tay mặt ; cô không thể làm sao, chỉ biết ôm lấy chồng đã ngã quỵ xuống mà la, trong khi bọn sát nhân kéo nhau trở ra và biến trong đêm tối.

Bọn gia nhân lập tức chạy về làng báo tin cho gia đình. Sáng mai con cái làm đơn trình huyện Hương-trà, phủ Thừa thiên. Dẫu ai nấy đều biết rằng việc ám-sát ấy đều do Tường và Thuyết chủ mưu, nhưng bề ngoài, quan cũng

giả đồ điều tra và kết luận là việc đạo sát.

Nhưng Trần tiến-Thành chết rồi mà Tường, Thuyết vẫn chưa cam tâm, họ còn tâu vua xin giáng từ hàm Thái bảo Cần-chánh điện đại học sĩ xuống hàm Bình bộ Thượng - thư. Đến năm đầu Đồng - khánh, Trần tướng-công mới được truy phục hàm Văn-minh-điện đại học sĩ.

(Hết)

ĐÀO DUY-ANH



Bổ chính

Trong bài « Lời nói đầu » « Bản sách dẫn về Đ. N. L. T. » ở T. T số 57 trang 5, cột 3, sót chữ « Huế » cuối câu: « Những người họ Tôn thất thì quê quán đề tại Huế ».



Đang in

VIỆT - NAM

CỔ VĂN-HỌC SỬ

tác giả Nguyễn [đồng-Chi tựa của Trần-v-Giáp

Lời bạt của HUỲNH THỨC-KHANG

500 trang toàn những tài liệu văn học rất quý, soạn theo một phương pháp rất khoa học — Giá 4p.50
Ai gửi tiền mua trước ngày 1er Octobre 1942 sẽ được trừ 10%. và không phải trả tiền bưu phí
Thư và tiền gửi về M.

Le Directeur HÂN-THUYỀN XUẤT - BẢN - CỤ

Rue Tien - Tsin — Hanoi

ĐÃ CÓ BẢN :

THO' HÀN MẶC TỬ'

— Những bài thơ chọn lọc của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi-giới và văn - giới Việt Nam.

— Đã có 7 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo pháp văn, 7 tờ báo quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

Sách in rất đẹp tại một nhà in lớn ở Hà-nội — Họa sĩ Phạm Tú-Ninh họa và trông nom về phần mỹ thuật

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

227 — P. Blanchy — Saigon

những tấm thân tàn tiếp theo trang 2

tưởng. Mục - tất ? Đã không động tâm ! Nghèo nàn ? Lại không động tâm ! Thi-sĩ thần-nhiên cứ ngấm hương thơm, cứ cợt tiếng đẹp... Rồi, nhờ sức bà vợ và hai cô con giúp đỡ, thi-sĩ cho ra đời được cuốn Paradis perdu là một tập thơ bất-hủ trong văn-học-giới Anh.

Đồng bệnh với thi-sĩ Milton, nhà sử học Pháp Augustin Thierry (1795 - 1856) cũng được liệt vào loán quân anh-hùng ấy

Sau khi làm xong bộ Histoire de la conquête de l'Angleterre par les Normands được ít lâu, Augustin Thierry mất ngay « hai ngọn đèn » của trí khảo - cứu Thế mà Augustin Thierry không hề bỏ tay chịu hàng cái tật ác nghiệt ấy ! Ông cứ theo đuổi cho kỳ đến đích lý-tưởng, ông cứ vật lộn với mọi nỗi khó-khăn để cất giọng cao hát

những bài thắng trận hùng-tráng vui tươi ..

Thế rồi nhờ sức tương trợ của bà vợ và mấy viên thư - ký, ông lại làm được nhiều sách nữa như : Récits des temps mérovingiens, Considérations sur l'histoire de France à l'essai sur les Tiers Etats là những tác-phần rất có giá - trị trong sử học giới Pháp.

Đó, những bậc danh - nhân đã tận - tụy với nghề trước thư lớp ngôn là thế đấy. Ấy là tôi còn chưa kể thêm mấy nhân-vật ở xứ ta cũng gặp nghịch cảnh mà cũng góp được ít nhiều công lao vào cuộc tiến hóa chung của xứ - sở như Chiêu-Lý như Tam-nguyên Yên-dồ v. v

Ai thì không biết, chứ tôi, mỗi khi đọc thơ Nam-đàn bát châu của Tùng-Vân tên - sinh, không sao ngăn được mỗi cảm vì xúc động trước cảnh-ngộ của thi-nhân cũng

như tôi đã cảm thương cụ Yên-dồ khi đọc đến mấy câu thơ này :

« Có khách cho ta một chậu trà,
Ta yêu, ta chẳng biết rằng hoa ! »

Xin lỗi Tùng-Vân tiên sinh, tôi viết bài này, trong chỗ vô - tình, chắc đã làm nao - nao cõi lòng người đương cuộc. Song, tôi chỉ cốt ý rêu tấm gương sáng của những tinh-thần trăm gẫy không sờn, trăm rèn càng sắc, của những chiến-sĩ trong đội quân văn-hóa đầy nhuệ khí, nỗ-lực, can-đảm và hi sinh

Các bạn thanh-niên ! Chúng ta đương lúc tuổi giàu, sức mạnh, há lại không nên « kinh-tế » từng tấc quặng-đm, hăng-hái xông pha trên đường « tu-tiến », sao cho khỏi phụ ngày xanh, sao cho khỏi thẹn với non sông đất nước ?

HOA-BẮNG

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-ĐÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 \$ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 \$ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p 30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton - Hanoi

Lần đầu tiên, lớn nhất ở Nam-kỳ

Nhà xuất bản Đồng - Nai

SẮP CỎ BÁN :

CỨU LẤY THANH - NIÊN

Ấn loát mỹ thuật toàn bằng giấy lụa mà bán rất rẻ để thanh niên các giới đều được đọc — Mỗi quyển 0p.75. Tác phẩm đầu tiên đề ra mắt, của Khổng - Dương

Một chương trình cải tạo và gây dựng thanh niên Việt Nam cần phải thực hành ngay từ bây giờ « Qua những cơn bão táp của tâm hồn do sự xung đột trong lúc giao-tiếp của hai nền văn-hóa Đông-Tây lại đến cơn bão táp của thời cuộc đang chúng ta hiết suy nghĩ gần sức... Tôi chẳng dám cả tiếng khuyên bạn. Tôi chỉ ước ao chúng ta nên thế ấy và thế ấy. Và sự ước ao của tôi quá mạnh hơn một chút, đó là chỉ muốn bâng lên ở bạn một ngọn lửa hồng, sôi nổi lên ở bạn một chất nhựa mạnh đang tiềm tàng, một nguồn máu nóng đang chuyển lưu».

Khổng-Dương

(trong cửa lấy thanh niên)

Những sách Đ.N. không gửi en consignation. Chẳng đại lý nào được độc quyền trong một địa hạt nào cả, trừ ra nếu có thư thương lượng những điều kiện riêng.

Thư từ và tiền bạc đề cho : TRƯƠNG-VĂN-HAI
248 — Lagrandière — Saigon Cochinchine

Téléphone 20.453 Boite postale 220

PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC

Ưng-Hòe NGUYỄN VĂN - TỐ

Ông chủ nhiệm báo Tri-tân có đưa tôi xem bài « giả nhời » của ông Ngô tất-Tổ về bài phê-bình Bộ sách « Việt-Nam văn-học » đăng trong số 58. Đọc qua bài « giả nhời » ấy cũng đủ biết rằng không có đoạn nào là đoạn đích-dáng, có đoạn lại thiếu cả về văn-học, làm cho tôi nhớ hồi cuối năm 1920 tôi có nói rằng : « Sự bình-phẩm ách, người nước ta không ưa. Phần-nhiều đồng-bào ta không hiểu cái chức-vụ của nhà bình-phẩm và thường lẫn lộn « căn-giác phê-bình » với lối « khoa-học phê-bình ». Nhiều người cho nhà bình-phẩm là một kẻ đồ-kỵ, tự mình không làm được gì, thấy người làm sách đem lòng ghen-ghét ; không thì cũng là người xét-đoán thiên-lệch, vì tính-chất và cái thị-hiến riêng của mình nó bó-buộc, hề thấy cái gì mình không ưa thì nhất-thiết bài-bác cả. Ý kiến ấy có lẽ đối với lối phê-bình mỹ-thuật thì có phần đúng, mà đối với lối phê-bình khoa học thì thật là sai. Sự học-vấn ngày nay càng ngày càng coi như cái kết-quả của công-phu nhiều người. Đời bây giờ không phải là đời người học-giả có thể tự - cao, đứng đặc-biệt một mình mà xướng ra những học-thuyết cao-kỳ, không cần đối-chiếu xem có hợp với sự thực không, miễn là phổ-diễn ra lời văn sán - lạn thì thôi. Các nhà làm sách nước Pháp có trí thông-hiểu hơn, biết rằng trong sự học cốt nhất và phải sưu-tập lấy nhiều sự thực, nghiên-cứu khắp các phương-diện, rồi cái triết-lý tự khắc nó sug-diễn ra. Muốn sưu-tập nghiên-cứu như vậy, cần phải có nhiều người ra công học-tập, người nọ giám-đốc lẫn người kia, ai sai nhầm chỗ nào thì chỉ bảo, ai phát-minh điều gì thì tuyên-bố lên. Như vậy thì mỗi người vừa là nhà làm sách, vừa là nhà bình-phẩm, và sự bình-phẩm như

thế tức là một cách giúp cho đường học-vấn mỗi ngày một tiến tới ». (1)

Ông Ngô tất-Tổ cho sự bình-phẩm là sự « xoi móc », sự « chỉ-trích ». Ông « giả nhời » một cách nóng-nảy, bằng một cái giọng ngang-ngang, khác hẳn giọng nhà nho. Tuy vậy, tôi cũng đăng, tôi chỉ bỏ có hai đoạn đầu, vì trong hai đoạn ấy ông Ngô tất-Tổ nói đến những người không dính - dáng gì về bài bình-phẩm. Tôi bỏ cả đoạn cuối, vì ông Ngô tất-Tổ tự phê-bình lấy và quảng - cáo cho bộ sách của ông. Đoạn nào bỏ tôi đã thay bằng một dòng chấm, không thể nào nhảm được. Còn đoạn nào đăng, tôi giả nhời ngay ở dưới, và ký tên cho khỏi lẫn.

Ưng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
Giả nhời ông Nguyễn-văn-Tố về bài bộ « Việt-nam văn-học »

Bài của ông Tố chia ra nhiều đoạn. Đầu tiên, ông Tố bảo bộ sách của tôi chỉ là một thứ « Việt bá văn tuyển », chưa hẳn là « Việt-nam văn-học sử ».

Không, tôi chỉ soạn sách « Việt-nam văn-học », không hề nhận nó là « Việt-nam văn-học sử ». Vì sợ người ta hiểu lầm, nên ở bài tựa tập một, tôi đã nói rõ thế rồi. Nhưng gọi nó là « Việt-hán văn-tuyển » thì rất không đúng.

Chẳng biết hai chữ « Việt-Hán » ông Tố hiểu ra thế nào. Còn như hai chữ « văn-tuyển », theo đúng ý nghĩa của nó chỉ là những bài văn hay do sự lựa-lọc gộp lại thế thôi.

Bộ « Việt-nam văn-học » không phải chỉ chọn văn hay. Nó là thứ sách ghi chép văn-chương Việt-nam theo thứ tự của thời đại, có khi còn có cả văn dở nữa. Vì như đời Lý, làm bài không có tính cách

văn-chương chút nào, nhưng cũng không bị loại bỏ, vì tôi muốn để độc giả biết qua trình độ văn chương đời ấy là thế.

.....

NGÔ TẤT-TỐ

Thế sao ông Ngô tất-Tổ lại dịch ra văn vần, để cho lạc nghĩa đi ? Đã là « văn dở », đã « không có tính cách văn-chương chút nào », thì đề là « văn học » sao được ? Nếu có phải thật không « lựa-lọc », thì sao ông lại « dẫn chú », ông lại in cả nguyên-văn chữ Hán, y như một quyển văn-uyển ?

Ở bài tựa ông nói rằng : « Hẳn ai cũng biết tài-liệu của cuốn văn học sử nước nhà từ đầu thế-kỷ 20 về trước, phần chính phải là chữ Hán, còn những văn-chương chữ nôm và chữ quốc-ngữ, chẳng qua chỉ là phần phụ ». Nếu thế thì phải đặt tên bộ sách là « Hán-Việt văn-tuyển », chứ không phải là « Việt-nam văn-học ». Sở dĩ tôi gọi là « một thứ Việt-Hán văn-tuyển », là vì từ tập nhà Lê trở đi, ông Ngô tất-Tổ làm thế nào cũng phải cho phần quốc-văn làm phần chính, mà phần Hán-văn làm phần phụ.

Đồng-bào ta vẫn gọi chữ nho là « chữ ta », cho nên vẫn cho Hán-văn của người mình là « văn-chương Việt-nam ». Chính ra người Việt-nam hay người Triều-liên, hoặc người ngoại-quốc nào, viết văn bằng chữ Hán, mà lại có giá-trị, thì lịch-sử chép vào Hán - văn, chứ không chép vào Việt - văn hay Triều - văn. Cũng như những tác-phẩm của vài nhà văn-hào nước Lỗ-mã-ni soạn bằng chữ Pháp, xưa nay chép vào lịch-sử văn-học nước Pháp, chưa hề thấy ai chép vào văn-học-sử nước Lỗ.

Ở bài tựa, ông Ngô tất-Tổ dùng chữ « văn-học sử » đến chín mươi lượt. Ngay trang đầu, ông nói rằng :

« Bây giờ thử hỏi : Nước mình đã nên có một cuốn sử Văn-học hay chưa ? » Rồi đến trang cuối ông lại nói rằng : « chữ Hán bây giờ đã không đặc dụng, có ngày nó sẽ tiêu-diệt (?) — cái ngày ấy cũng không xa gì (?) Khi mà chữ Hán ở ta không còn, thì những sách kia dù có còn nữa, cũng là vô ích (?) Đã đến lúc đó, e rằng sẽ có những kẻ vọc vạch chữ Hán, công nhiên đóng vai nghiên-cứu văn học chữ Hán để vu oan cớ-nhân và đánh lừa hậu-nhân (?). Như vậy, cuốn văn-học sử của mình còn ra trò gì ? »

Đấy, ông Ngô Tất-Tố « nói rõ » như thế đấy ! Không những thế mà thôi, ông lại còn cho in ba chữ « văn-học sử » bằng chữ, ỡ thật to, để ai nấy đều chú ý đến. Nhưng không nên lấy thế làm lạ : văn bài của ông Ngô Tất-Tố trái nhau như thế là thường ; xem những đoạn « giả nhời » dưới đây lại càng rõ.

NGUYỄN VĂN-TỐ

..

Đoạn hai, ông Tố bảo tôi chép các tên sách, không đúng.

Ở bài tổng-luận, vì muốn chứng rõ sự-nghiệp trừ thuật của đời Trần, tôi có kể tên độ chừng bốn chục bộ sách của các nhân-vật đời ấy. Chỗ đó ông Tố nhận thấy còn thiếu ba cuốn « Hình luật » đời Trần Thái-tôn, « Việt-nam thế chí » của Hồ Tôn-Thống và « Vạn-Kiếp bí truyền » của Trần Quốc-Tấn. Sau khi nêu mấy tên ấy, ông Tố kết rằng : tên sách bỏ sót đại khái như thế.

Tôi không hiểu cái dụng ý của hai chữ « đại khái » là gì, nhưng tôi nhận rằng có sót thật đó. Không phải chỉ sót ba cuốn, có lẽ còn sót nhiều nữa, ông Tố chưa kiểm ra được đó thôi.

NGÔ TẤT-TỐ

Kiểm không khó gì, vì những tên sách đời Trần đã liệt trong bộ Lịch triều hiến chương, vào quyển Văn tịch chí ; sách ta sách tây cũng đã in ra quốc-ngữ, thế mà ông Ngô Tất-

Tố còn bỏ sót ! Ngoài ba quyển trên kia, ông còn quên những quyển sau này : Nhị-kê tập của Nguyễn Phi-Khanh, Việt điện u linh của Lý rz-Xuyên, Lĩnh Nam trích quái của Trần rz-Pháp, Hình thế địa mạch ca của Trần Quốc-Kiệt và Hồ Tôn-Thống, Pháp sự tân văn của vua Trần Anh-Tôn sai các nho thần soạn ra ấn hành, v. v. Không những chép thiếu mà thôi, ông Ngô Tất-Tố còn chép nhầm nữa : như quyển Tăng-già toại sự của Trần Nhân-Tôn, ông chép là Trần Minh-Tôn ; quyển Hoàng-tông ngọc điệp, ông chép là Hoàng-triều ngọc điệp, nhưng về đời Lý, không phải đời Trần. Ấy những tên sách tên người, chép sai chép thiếu, « đại khái » như thế : nếu kê cho hết, có lẽ phải mất một trang Tri-Tân ; để sau này tái bản, ông Ngô Tất-Tố có muốn hỏi, tôi sẽ chỉ gùm. Ở đây dẫn như thế là đủ rồi.

NGUYỄN VĂN-TỐ

Trong việc biên tập khảo cứu, hoặc vì đọc rồi quên đi, hoặc vì đọc phải những bản viết tay, người sao-lục vô ý viết thiếu, cái sự bỏ sót không thể tránh khỏi. Vả chăng sách vở kẻ có thiên kinh vạn quyển ông thánh cũng không thể đọc cho hết để khỏi bỏ sót. Nếu như bỏ sót ba cái tên sách đã « vô tang tích » mà bị nêu ra chỉ trích thì dưới gầm trời này, các nhà khảo-cứu khó lòng có người hoàn toàn.

NGÔ TẤT-TỐ

Vì thế mới phải kềm - dìm lẫn nhau, như tôi đã nhắc lại trên kia. Riêng về văn đời Trần, đã có tên sách chép trong sử như cũ g sách ta, sách tây. Muốn chép lại cho đủ và cho đúng, không khó gì : chỉ có ý một tý là hoàn-toàn.

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Trong bài tổng luận và lược sử của Trần thánh-Tôn có chỗ nó đến hai cuốn « Kiến-trung-thường » và « Di hậu tập », thợ in vô ý sắp âm chữ « lễ » ra chữ « lệ » chữ « hậu » ra chữ « hận ». Ông Tố bảo tôi « cho in » như thế.

Thống chế Pétain đã nói :

« Sở dĩ có cuộc chiến-tranh này là để tổ-chức lại châu Âu. Nước Pháp quyết-tâm dự vào sự tổ-chức ấy và hợp-tác rất thành-thực, ngõ-hầu mong dựng một nền hoà-bình vững-trãi ở Âu-Châu và thế-giới ».

Cái đó thật oan. Trong chữ Hán « hậu » với « hận », « lễ » với « lệ » khác nhau như trời với vực, tôi đâu có giám cho ầu như vậy. Chỉ vì nhiều tuổi, mắt kém, khi sửa ấn cảo (Epreuve), trông lầm chữ « n » ra chữ « u » chữ « ê » giấu nặng ra chữ « e » giấu nhẹ, đấy thôi. Lỗi đó kẻ cũng nhiều người dễ mắc. Ngay ở trong bài ông Tố soi mói tôi đó cũng có mấy chữ : « Giáo có dấu sắc, hỏi » làm « giao » không có dấu) hỏi dịch « có dấu nặng » như thế « làm » dịch không dấu nặng như thế. Nhưng chỗ lầm ấy, tôi chắc không phải do ông « cho in ».

Một bài của ông có hai trang bìa mà đã sai đến hai chữ, giả sử đem làm cái tính phép ba (règle de trois) thì cuốn « Việt-nam văn-học » 224 trang, phải sai 224 chữ mới là tương đương. Nay nếu chỉ sai có hai chữ, ấy là tôi đã cùn-thận hơn ông 222 lần rồi vậy. Thôi không nói đùa. Thật ra, chắc còn sai nhiều hơn nữa. Vậy tôi thành thực xin lỗi tất cả bạn đọc của cuốn sách ấy.

NGÔ TẤT-TỐ

Lệ nhà báo, chỉ có người chủ nhiệm mới được ký « bóng cho in » (bon à tirer). Người ngoài gửi bài lại đừng không phải chữa bài in thử : nếu ai cũng chữa thì báo khó lòng mà ra đúng ngày.

In sách thì khác : người làm sách phải sửa các bản in thử, phải ký « bóng » cho in, rồi khi in xong, lại phải đọc lại xem còn chữ nào bỏ sót chưa chưa, thì làm bài cải-chính để in vào cuối sách. Ông Ngô Tất Tố

cải-chính, nhưng bỏ sót rất nhiều. g'áp việc biên đáng lên tác-giả, nhan Báo chí cũng có cải chính, nhưng thường cách đến hàng mấy số mới in. Vậ những của ông Ngô tất-Tổ nói về việc «cho in» không đáng với phép nhà báo.

NGUYỄN VĂN-TỔ

Cũng chỗ kể các tên sách ở bài tổng luận khi nói đến cuốn «Thủy văn-tùy-bút» tôi có chua là (?) không biết mấy cuốn. » Chẳng những một bộ ấy, còn nhiều bộ nữa tôi cũng có chua như thế hay là «còn không chua biết». Đó là một sự thành thật, biết nói là biết, không nói là không. Ông Tổ không ưa cái thành thực đó, biết được bộ sách «Thủy văn tùy bút» đích có hai cuốn, ông hỏi tôi rằng «Sao không đỡ bộ «Lịch triều hiến chương» bản viết của trường Bác-cổ ra mà xem ? trong đó chép là hai quyển.»

Thưa ông, tôi không đỡ ra mà xem, là tôi không đỡ... ra mà xem chứ không «sao» cả. Tôi không đỡ bộ «Lịch triều hiến chương» bản viết của trường Bác-cổ cũng như ông không đỡ hàng hà sa số bộ khác, không lạ gì hết. Vả chăng, đối với bộ sách đã bị ra tro từ một nghìn năm trước đây, thì dầu biết thêm «nó có hai quyển» cũng chẳng giúp thêm chút ích cho ai. Tôi tưởng như thế.

NGÔ TẤT-TỔ

Ông Ngô tất-Tổ tưởng như thế thì nhầm. Những sách nho chưa tìm thấy, cần phải chép cho đúng tên, đúng quyển, thì người đi tìm mới biết ma đó. Trường Bác-cổ sở dĩ tìm được vài quyển đời Trần, là vì người

áp việc biên đáng lên tác-giả, nhan sách và số quyển.

Ông Ngô tất-Tổ nói rằng : « biết nói là biết, không nói là không » : cái ấy đã cố-nhiên đi rồi ! Nhưng đối với việc khảo-cứu, cố nhiều điều không biết không được. Nếu không biết thì không nên in vội, kẻo có người bảo là bất lực hoặc đổ cho ý gì chẳng.

NGUYỄN-VĂN-TỔ

Đoạn ba ông Tổ bảo tôi chép sự tích các nhà làm sách sai lầm.

«Sai lầm» là sai những gì ?

Ở cuốn «Việt-nam văn-học» đời Trần, dưới giòng tên của mỗi tác giả, tôi có chua thêm một hàng chữ số để so lịch ta ra lịch tây. Công việc ấy không cần phải có học vấn uân sức mới làm nổi, chỉ cứ đỡ cuốn «Việt-nam sử lược» của ông Trần-trọng-Kim mà dò, ở đấy, tác giả đã tìm sẵn cả. Muốn biết năm ấy lịch ta nhằm với năm nào lịch tây, người ta chỉ nhằm một cái tính cộng là được. Với các tác giả trong cuốn ấy, tôi đều làm theo kiểu đó và đều đúng cả. Riêng về Trần thái - Tôn đáng lẽ chua là «1218-1277» không hiểu vì sao tôi lại lầm ra «1198-1258». Vậy là tôi đã chua sai mất 21 năm. Nhưng đó chỉ là cái sai trong việc so sánh ngày ta với ngày tây, không phải là sai về chép sự tích các nhà làm sách như nhờ ông Tổ đã nói. Vả lại, chỗ chép tiểu sử của Trần-thai Tôn, tôi đã nói rõ «ngài sinh năm thứ tám hiệu Kiến - gia nhà Lý» và

«thọ được 60 tuổi». Người đọc sách nếu đã đọc qua Việt-nam sử - lược của ông Trần-trọng-Kim, vẫn còn có thể nhận một chỗ đó mà đính chính lại giùm tôi.

Trong đoạn lược sử của Trần-Thánh-tôn, tôi nói ngài là «con thứ «Thái-tôn». Ông Tổ bẻ rằng: Thánh-tôn chính là con trưởng Thái - tôn - con thứ Lý-Thị. Rồi ông lại dẫn một đoạn Đại - Việt sử - ký nói về Thánh - tôn và một đoạn «Khâm - định-Việt-sử» nói về lai-lịch của Trần - quốc - Khang, để chứng cho câu nói ấy. Chắc là ông Tổ tưởng tôi vì nhận Quốc Khang là con «chính mẫu» của Trần Thái - tôn mà cho Thánh tôn là người con thứ, nên mới bắt bẻ như vậy.

Không kể, đã đọc sử, ai mà không biết Quốc-khang là con Trần-Liễu,

Vì ở Đại-Việt sử-ký có nói rõ các chuyện cướp vợ tranh con ấy rồi. Tôi nói «Thánh - tôn» con thứ «Thái-tôn» là căn cứ vào nhiều cơ khác.

Đại-Việt sử-ký bản kỷ in của đời Lê, về năm Thiên-ứng-chính-bình thứ hai đời Trần Thái-tôn, có chép «Hoàng - thái - tử Trịnh - hoàng» (Hoàng thái-tử Trịnh mất). Vậy là trước khi lấy vợ Trần-Liễu và trước khi sinh ra Thánh tôn, Thái-tôn đã có con gái đặt tên là Trịnh và đã lập làm Thái-tử. Lại năm thứ mười một, hiệu Thiệu-long, sử nói Thánh tôn, Quốc-Khang đưa ở trước mặt Thái-ton, Quốc - Khang gọi Thánh-tôn là «Nhị-lang» (chàng hai) và

xem tiếp trang 18

Tri-Tân số 63 sẽ có loạt bài về Nguyễn-Du và truyện Kiều.

Tri-Tân số 64 sẽ có loạt bài về dịp kỷ-niệm đức Trần-Hưng-Đạo.

Tri-Tân số 65 sẽ là chuyên-san về vua Lê-Thái-Tổ.

Trong mấy số báo ấy, các bạn thân-yêu sẽ nhận thấy sự cố - gắng của Tri-Tân.

Vậy mong các bạn có sáng-kiến gì hay, tài-liệu gì quý, xin làm ơn góp với Tri-Tân để đi đến kết-quả mỹ-mãn. Xin cảm-tạ trước.

TRI TÂN

TRA NGHĨA CHỮ NHỎ

Số 16

Ứng-hòa NGUYỄN VĂN-TỐ

IX. — Chữ k (bài nối)

Ở trang 144 quyển *Tâm-nghuyên* từ-điền, dưới chữ *khâm-kha*, phải chừa chữ « khâm » thờ bằng chữ *khĩm*, chữ không phải xa bằng chữ *thậm*. Quyển *Từ-nguyên* cắt nghĩa chữ *khâm-kha* một là đi không lợi, « hành bất lợi », hai là trắc-trở, không gặp thời, « nhân chi bất ngộ ». Về nghĩa « không gặp thời », chữ « kha » viết thờ bằng chữ *khả*, cũng có khi viết xa bằng chữ *khả*, chữ này xuất xứ ở *Hậu-Hán thư*.

Khang-trang là đường lớn, « đại đạo giả ». Sách *Nhĩ-nhã* cắt nghĩa: thông suốt năm ngã gọi là *khang*, thông suốt sáu ngã gọi là *trang*; « ngũ đạt vi chi *khang*, lục đạt vi chi *trang* ». *Từ-nguyên* nói là đường - xá thông suốt ra nhiều phương, « ngôn đạo-lộ thông đạt ư đa phương ».

Khâm là: 1, cái chân lớn, — 2, đồ trong tang lễ dùng để bọc thầy, « tang lễ liêm thi chi cụ », bọc ở bên ngoài áo liêm tức là liêm, rồi mới khâm. Đời xưa dùng lẫn ngoài vàng, lẫn trong trắng; đời sau theo phẩm-cấp, các chức quan dùng các sắc đỏ, đen, v. v. *Liêm* có ba nghĩa: 1, thụ, gộp, thí dụ như *thu thuế*; 2, nhiệm vào trong người, như sách thuốc. Tàu cổ nói chất chua hay liêm; « loạn liêm »; 3, liêm sắc người chết: « thẩn liêm »; chữ liêm này viết *phản* bên chữ *thiêm*, nhưng kinh truyện đều viết chữ liêm, tức là *thiêm* bên chữ *vạn*. Thay áo cho người chết gọi là *tiêu-liêm*, nhập quan gọi là *đại-liêm*. Tội trích một đoạn trong *Tho-mai gia-lễ* (tờ 6 a-7 a) về việc khâm-liêm ở nước ta, để độc-giả xem một lối văn nữa chữ nữa hóm, giống như lối văn đời Gia-long: « Khâm thi mỗi khâm năm, khỗ, đại, mười, hai, thước. Tiêu-liêm một khâm, đại-liêm

một khâm, hoặc đơn, — (đề lễ một tấm) — hoặc dùng giáp-phùng, — (khâu liền lại) Nãi *tiêu-liêm* đại-liêm, thì dự-chính hai tấm sáp-nhĩ, — (áp tai) — hai tấm tạ thủ, — (gối đầu) — tức với hĩnh, — (chân với ống chân) cặp chỉ bờ-khuyết — (và gậy đệm chỗ thiếu) cho bị-túc, — (nghĩa là đủ), mà giải chiếu ra giữa nhà chỗ rộng, đặt đồ đại-liêm xuống trước, thì trước bày năm cái hoành, — (ngang) — đo từ đầu đến chân, đặt cho đều khoảng, mới giải cái tang, — (dọc), — lên trên, rồi giải đại-liêm-khâm đề lên trên cái tung ấy; hễ giải lần nào thì lấy bút mực làm dấu, lấy chính-trung cho đích, kim chỉ dính lấy cho chặt-chẽ. Đặt đồ tiêu-liêm đề lên, thì đặt ba cái hoành, — (ngang), — thứ — rồi đến — cái tung, — (dọc), — thứ cái khâm, tiêu-liêm đại-liêm dính vào làm một, rồi bốn bên đều cuốn lại, đặt lên giường. Đã đến giờ liêm thì tang-chủ vào cử-ai, — (khóc), — quì; chấp sự — (người làm việc khâm liêm — cũng quì) Cáo-từ — lời (khấn — rằng: « Thỉnh nghinh nhập liêm, cần cáo », — nghĩa là xin đón về làm lễ nhập-liêm, kính kêu. Phủ-phục, — (cúi rạp xuống) — bưng — (dậy), — bình-thân, — (ngay mình lại) Người làm việc vào hai bên rước người, — tức người chết, — đặt lên đồ khâm liêm ấy cho chính-trung, rồi sửa gối cho chính... » v. v.

Khôn-phạm là đức người đàn bà, « phụ-đức giả ». Kinh Lễ có câu: « Nội ngôn bất xuất ư khôn, ngoại ngôn bất nhập ư khôn », nghĩa là lời nói ở trong không ra khỏi cửa buồng, lời nói ở ngoài không vào trong cửa buồng. *Khôn* là cửa ngăn; người đàn bà ở trong, cho nên gọi là *khôn-phạm*, nghĩa là khuôn phép từ cửa trở vào.

Phạm là phép-tắc, khuôn-mẫu: « pháp giả, thức giả, mộ-hình giả »: chữ *Từ-nguyên*.

Ở trang 148 quyển *Tâm-nghuyên* từ-điền, dưới chữ *khống-tống*, phải chừa chữ « khống » nhận đứng chữ *khống*, chữ không phải thờ bằng chữ *khống*; chữ « *tống* » nhận đứng chữ *thống*, chữ không phải chữ « *tống* » tĩnh trong. Quai trước ngoài *Khống-tống* có ba nghĩa: 1, việc gấn. — xúc: « sư bách xúc giả » *Khống-thiêm-sư tập* có câu: « Đắp tổ khống-tống trang kỳ hoai » ở bài *Bắc-sơn di văn*, nghĩa là khi làm tờ điệp, khi làm tờ tở, rồi rít cả ở trong lòng. 2, dáng sấu - khốn: « sấu khốn mao » *Sở từ* có câu: « Sấu khống-tống vu sơn-lục, sấu-khốn ở nơi rừng núi. — 3, cùng-khốn. *Hậu Hán thư* có câu: « Tương long đại-vị, tất tiên khống-tống chi giả », sắp tôn cho ngôi lớn, ắt trước phải cùng-khốn mới được. — Tiếng khống-tống thường dùng trong nhà tang-gia, chính là ở nghĩa thứ nhất, nghĩa là trong khi có tang, công việc bận-rộn vội-vàng, chữ không có nghĩa gì là đưa đám mà cắt-nghĩa như ông Lê-văn Hòa.

Khuê là cái cửa nhỏ, trên tròn dưới vuông, giống ngọc khuê. Đời xưa gọi kim-mã-môn là kim-khuê. Thơ của Tạ-Điếu có câu: « Ký thông kim-khuê tịch », đã có tên trong quyển kim-khuê. *Khuê* tức là cái cửa nhỏ trong cung. Chỗ con gái ở cũng gọi là *khuê*; gọi là *khuê-khôn* nữa. *Bách-hổ-thống* chép rằng: « Vợ thờ chồng có đủ bốn lễ ở trong ngũ luân: — « phụ sự phu hữu tứ lễ » — theo đạo vua tôi, thì khi gà mới gáy, rửa mặt, súc miệng, chải đầu, cài châm mà đến hầu; theo đạo cha con là phải có lòng thương xót, — (trắc-ân); — theo đạo anh em thì không nên so kè tiền của; theo đạo bà bạn thì trong chỗ *khuê-khôn*, trên chỗ chiếu chận phải có nhay. »

còn nữa

Ứng-hòa NGUYỄN VĂN-TỐ

Phê - bình

« SỢ SẼ SẴN »

của Lê Văn-Trương

HỘI-THÔNG viết

*Ce n'est pas en surface, ce n'est pas en largeur
que la vie comp'e, mais en profondeur.*

J. M. GUYAU

THAM sinh úy tử, là câu cửa miệng thường nói, ham sống sợ chết, là thói thường đời. Thắng hoặc mới có một vài tâm-hồn cao thượng vì nước quên mình coi cái chết nhẹ như lông hồng, như hai bà Trưng, bà Trệu, như Võ Tánh, Ngô Tùng-Chu, v... v... Tạo-hóa sinh ra người, lại bện lấy năm hình như có tâm-ý khích-lệ ta phải luôn-luôn cố gắng, không nên hoải-phí thì-giờ quý báu nỗ-lực, lại nỗ-lực, cuộc đời của mỗi người phải là một cuộc tiến vô-hối vô hạn đến chỗ phát-siển hoàn-toàn, nhịp-nhàng và mạnh-mẽ của các năng-lực tiềm-tàng trong nội-giới và trong cơ-thể ta, ngõ hầu trở nên một người với một khối óc, một trái tim sáng-suốt trong sạch, không hề với tiếng tu mi nam tử, đội trời đạp đất ở đời. Phấn-đấu với vũ-trụ, với mọi trở-lực, về tinh-thần cũng như về vật-chất, phấn đấu chính mình ta, từng giờ, từng phút, để mong trở nên Một người với cái nghĩa huy-hoàng, sán-lạn, đầy-đủ của chữ ấy, như Kipling đã từng giải-thích trong bài thơ bất-hủ I F... (1), thật không phải dễ vậy.

Sống ở đời là cả một nghệ-thuật. Chỉ âm, thực, nam nữ, miệt-mải trong cuộc truy-hoan, hay chôn chân trong vòng danh-lợi, rồi già, rồi chết, không đáng gọi là sống. Chỉ mưu sự vinh

thân phì gia, ham một cuộc đời an-nhàn phảng-lặng như mặt nước ao tù, vô tư-lự, trốn trách-nhiệm, sợ phấn-đấu, ghét nỗ-lực: những hạng người vô-ích cho nhân-loại ấy, nhà đại văn hào H. Bordeaux liệt vào hạng « sợ sống » (2) Cũng có nhiều kẻ, coi cuộc đời như một canh bạc, càng đánh to bao nhiêu, càng bồi-hồn bấy nhiêu (3); chỉ theo đuổi những cái khoát-lạc nhất-thời về vật-chất, nơm-nớp sợ cho đời người ngấn-ngủi, ngày xanh chóng tàn, sống một cách vội-vàng, nông-nổi, không hề dám nhìn thẳng vào cuộc đời, vào đáy lòng mình, để tìm nghĩa cái sống: lại một hạng « sợ sống » nữa (4).

Theo gương nhà văn-hào Bordeaux, ông Lê Văn-Trương cũng muốn chữa cái bệnh thông-thường ấy. Quyền Sợ Sống ra đời, là cũng mong giúp ích cho thanh-niên. Hơn nữa, tác-giả có cao-vọng muốn các bậc làm cha, mẹ phải nghĩ đến tương lai của con, cháu; mong cho thanh-niên từ nay đứng ủy-mị, lãng-mạn, biết sống một cuộc đời có ý-nghĩa, và, nếu cần đến, biết hy-sinh tề-tải, danh-vọng, hạnh-phúc, cho một lý-tưởng cao-thượng. Phải chăng tác-giả đã dụng công viết một cuốn luận-đề tiêu-thuyết? Không, đây chỉ là một tập nhật-ký của một kẻ thất vọng vì tình, một bức tranh tả-chân, phê-điển

ra trước mắt ta những hành-vi, ngôn-ngữ, trạng thái tâm-hồn những thành-kiến hẹp-hòi của một hạng công-chức thủ-cựu, những cử chỉ của một đôi nam nữ thiếu-niên tân-tiến, vì hiềm lẫn hai chữ « ái-tình » đến nỗi phải ôm hận mà tự sát, kẻ trước người sau.

Lời văn gằn-dị, trừ một vài chỗ rườm-rà (... Muốn yêu, phải hay biết tàn-nhẫn, muốn thương phải hay biết tàn-nhẫn, muốn sống, phải hay biết tàn-nhẫn, tàn-nhẫn để cho việc đời khỏi đưa mình đến những cái tàn-nhẫn hơn tàn nhẫn, tàn nhẫn để rồi mà có thể yêu thương cái đã không thể yêu thương được. Sự sống, sự sống hùng-liệt, sự sống van nài xô chúng ta, chúng ta phải theo nó, theo mà cưỡi lên nó, đừng chờ đến cái phút nó đã dẫm bẹp ta v... v... Tôi gặp một người đàn bà, một người đàn bà đẹp lắm, một người đàn bà có mọi cái đáng yêu của một người đàn bà Tôi có thể nói đó là một người đàn bà lý-tưởng cho tất cả những người đàn ông chẳng sợ hồ với cái tên đàn ông của mình... vân vân...) Cốt truyện không có gì. Những tư-tưởng trình bày trong sách mới đáng cho ta chú ý; đây là chỗ dụng công của tác-giả, và nghệ thuật là ở chỗ phân-tách tâm-lý của vai chính: một thiếu-niên con nhà dòng-dối, sợ học-

thức, nhưng ủy-mị, đờn hén, không có nhân cách. Tốt nghiệp ở trường ra thiếu-niên muốn sống một cuộc đời hoạt-động, muốn trở nên một nhà doanh-nghệp. Nhưng vì thiếu nghị lực, không có đức tự tin, không nhẫn nại, không biết phấn đấu, nên rút cục, đành tuân lệnh bố, mẹ, miễn cưỡng nhập tịch nghề cạo giấy. Đề tự an ủi, y cho rằng đó là « một việc của con ». Có biết đâu rằng đây mới chính là một vấn đề sinh tử, vì tùy tài năng, tùy khuynh hướng của mỗi người, phải chọn một nghề thích hợp với tính tình tư cách, học lực, ước vọng của mình, thì mới mong trở nên một người có ích cho nhân quần xã-hội (5). Nếu không thì sống cũng như chết, mà « thân trăm năm cùng với cỏ cây cùng nát », đời nào có ai biết đâu ?

Kịp đến khi gặp một thiếu nữ tươi đẹp, thùy mị, nết na, người yêu trong tâm hồn, trong lý tưởng — y cũng không đủ can đảm phân - đấu để thắng được những thành kiến về giai-cấp, và đoạt lấy cơ - hội gây hạnh-phúc cho cả một đời. Thiếu-nữ được tin ý - trung - nhan bất-buộc sắp phải lấy vợ, đâm đầu xuống giếng tự-tử. Quyết liều song thác với tình, chàng uống nước át-xít để theo người yêu xuống thuyên đài. Lần đầu ta thấy y có một hạnh-vi cá-quyết. Chưa chết (chỉ thành một pũe nhan), y thu hết tàn lực để chép tập nhật-ký, vì trong một phút giây - ngộ, y chợt hiểu một cách đau - đớn, thấm-thía, lẽ sống ở đời. Y mong rằng tập nhật-ký sẽ biến ra thanh sách, « để cho mỗi trang... đem thêm cho các bạn (độc - giả) một chút ít nghị - lực ». Nghĩ như thế y thấy trong lòng vui - sướng và y cảm thấy rằng y « đã làm đầy-đủ cái bổn-phận của đời » y rồi ; y cảm sung tự sát. Lần thứ hai, và lần cuối cùng, ta thấy y có một cử chỉ cá-quyết,

Tác - phẩm của ông Lê Văn-Trương nêu lên hai câu hỏi :

1' — Sông thế nào cho ra sông ?
Lâm trãi thế nào cho đáng nên trai ?

2 — Thanh-niên có quyền được huy-hoại đời mình không ?

Tác-giả vốn vẫn ưa « triết - lý sức mạnh », nên ta không ngạc-nhiên chút nào khi ta thấy người lý-tưởng của ông phải là « người hùng ». Nhưng thế nào là người hùng ? « Chẳng thấy thêm muốn nhưng cái mà thế nhân thèm muốn,... chẳng thấy xot xa nhưng cái mà thế-nhân xot-xa », « cưỡng lên sự sống », là hùng chăng ? « Sống ngang-tàng cái bản-thể của mình », « vượt ra các khuôn-khò tâm thường », phải biết tàn - nhẫn, là « sống một cách hùng liệt » ư ? Vị tất đã là phải ?

Vì sao ? Trai qua nghìn năm thâm-nhuân Khổng-giáo, đạo trung dung đã tạo cho nước ta một đạo trung thân nghĩa-sĩ, liệt-nữ, anh-hung. Các bậc đồ sớ-dĩ được lưu danh thanh-sử, cũng là vì đã khổ công ma-tuỵ, lưỡng lự trau giồi nhân-cách cho được hoàn - toàn, hien thau đạo làm người, biết thị c huan ba dục tri, nhan, dung (6) ; lúc nào cũng tam niệm may cầu tu, lễ, tri, bình, là chân lý của muôn thuở. Cho nên người hùng, và câu « muốn được sống một cuộc đời đáng sống, phải biết không sợ song » của ông Lê Văn-Trương t l e no cũng chẳng mới mẻ gì.

Con như thất vọng vì tình mà đen nổi phải quyền-sinh, thì « nhỏ nhen quá », Đáp lại câu hỏi : Đời người có đáng chán không ? Thanh niên có nên buồn không ? Thượng Chi tiên - sinh đã từng khuyên nhưng kẻ dẫu còn xanh tuổi còn trẻ : « (Đời người) dẫu đáng chán mười mươi mà vị nước cũng không được chán ; dẫu đáng buồn mười mươi mà vị nước cũng không nên buồn » (7) Phải chăng vì chúng ta ngay từ khi mới lọt lòng ra đã « ơn nhà, nợ nước » mang nặng hai vai ? « Nhập thế cực bất khá có công nghiệp ; xuất mẫu hoai tiện thị hữu quân, thân »

Nợ nhà, nợ nước, bổn - phận ta phải làm sao trang trải cho trắng nợ nam nhi

Có phải là một sự dễ dàng đâu ! Chàng thanh niên trong tập *Sống sau khi đã gây nên cái chết* thâm khốc cho người yêu, cứ yên trí là viết một tập nhật ký để lại, rồi lấy cái chết để tạ người tri-ký, là đã làm đầy đủ cái bổn phận ở đời rồi ! Than ôi ! nếu chết mà dung dị như thế, bổn-phận người ta mà giải-quyết được một cách ngạo-nghe, cá-quyết và vẫn tất như thế thì cũng đáng buồn thay cho những nhà ngôn-luận từ trước đến nay, đã tốn bao nhiêu tim óc để cố tìm cái ý nghĩa của sự sống, chết, ở trên mặt trái đất già cỗi này.

Nói tóm lại, tác-phẩm của ông Lê Văn-Trương chỉ có một giá trị tương đối về văn - chương cũng như về tư-tưởng. Tác giả đáng khen chẳng là ở chỗ đã có một ý-định tốt : muốn độc giả nên ngẫm nghĩ về sự sống. Còn có đạt được mục đích hay không, đó lại là một chuyện khác. Riêng về phần tôi, xin thú thực rằng khi đọc xong tập *Sống* không thấy xao xuyến trong lòng, và khi gặp sách lại, cũng không thay phần khởi tâm-hồn chút nào. Có lẽ tại những nhân - vật tâm - thường ở trong truyện đã không cảm hóa được tôi chăng ?

HỘI THÔNG

1. If... in Rewards and Fairies.
2. 4, Cf. H. Bordeaux, *La Peur de vivre* 1902 — Preface, 1905.
3. P. Mérimée—*La vie est un tapis vert où l'on ne s'amuse qu'autant que l'on joue gros jeu*. Cite par H. Bordeaux, id.
5. Pascal—*La chose la plus importante de toute la vie est le choix du métier*
6. Hiếu học cận hồ tri ; lực hành cận hồ nhân ; tri sĩ cận hồ dũng (Trung dung).
7. Cf. Phạm-Quỷ-h, *Thanh Hiên có nên buồn không ?* (Nam-phong, Février 1923).

ĐỀN này vẫn có tiếng linh-
ứng, nên hằng năm đã
hấp dẫn được nhiều
khách thập-phương xuôi ngược
lên chiêm bái.

Đầm-Hồng chỉ có một dãy phố
theo dọc bờ sông, các cửa hàng
buôn bán cũng đông vui, phu
thợ đều ở tất cả dãy phố này.

Đầm - Hồng địa thế hẹp, một
bên dựa vào núi và bên dựa vào
sông. Dân cư dùng toàn nước
sông, mà đến mùa nước lũ, trong
nước có lá han rất độc, thường
gây nên bệnh sốt rét. Cho nên
Công-ty Mỏ vẫn phải cho một
người khám hộ vào khám bệnh
và phát thuốc. Chính khi qua
phố, người khám-hộ này cũng
vẫy xe hỏa để về Chợ Đền. Chúng
tôi nhân lại được một bạn đồng
hành quen thông - thạo đề hỏi
chuyện

Ra khỏi phố Đầm-Hồng, xe hoa
bắt đầu chạy mau qua ác dãy
núi cao. Khi thì hai bên núi
đường hoa-xa đi giữa; khi thì
một bên là núi, một bên là thung
lũng, có vực sâu thăm-thẳm; có
khi một bên là thác ở trên cao
đổ xuống âm ầm.

Cách Đầm-Hồng năm cây số,
xe hỏa bắt đầu xuống dốc Bản-
hao dài bốn cây số. Ông Khán-
hộ bên tháo xích cho lory rời về
dằng sau, không cần dẫn tàu
kéo nữa. Lory cứ một mình theo
dốc chạy xuống từ từ, quanh
nhiều khúc - khuỷu mà không
xảy ra sự gì. Tàu hỏa xuống dốc
nhanh hơn, lory chạy cách xa
xe lửa một quãng, nên chúng tôi
rộng tầm con mắt, dễ trông bốn
mặt, lại được mát mẻ và tránh
được cái bụi than tàu.

Cạnh đường tàu, có một ngọn
suối chảy rất mạnh: nước từ cao
đổ xuống qua các tảng đá lớn,
tỏa ra nghìn tấm bạc, trông thực
đẹp! Tiếng nước chảy âm ầm,

như có thiên
binh vạn mã,
nghe mà rung
rợn! Nếu vô ý
mà sa chân xuống
đáy, thực chết
không kịp ngáp,
có thánh phục-
sinh cũng vô kế khả thi! Chỉ nháy
mắt là thành một cái xác vô
hồn, thịt nát, xương tan, bị luồng
nước dập vùi, nện xuống các
tảng đá như búa, đe thiên tạo,
rồi cuộn-cuộn bị cuốn đi một nơi
vô cùng tận...

Tôi thấy thế, nhân nói đùa:
Ở Hà-thành thời-thường có nhiều
phụ-nữ hoặc vì trách phận, hờn
duyên, hoặc vì không được đức
lang-quân nuông chiều, hoặc vì
đa-cảm, đa sầu, mà sinh ra yếm-
thế, có khi nhảy xuống hồ Gươm
sông Cái trắm minh để làm mồi
cho miệng cá, kể thì thực tình tự-
tử, người thì dọa cha mẹ, chồng,
con, tìm chỗ nòng nhảy xuống
để mong có người cứu vớt. Ví
thử gia-đình nào có hạng
vợ con như thế chỉ chịu tổn ít
tiền lộ-phí cho đến thác Bản-hao
này mà vẫn - cảnh, thì thiết
tưởng đủ thình cũng không dám
nghĩ đến việc tự-tử nữa! Cái
môn thuốc « chán đời » này tuy
có tổn, nhưng chỉ tổn một lần
mà chữa ngay được cả bệnh căn,
dễ mang lại cho gia-đình cuộc yên
vui hòa lạc.

Dốc Bản-hao dài 4 cây số, lory
tới chân dốc dừng lại, mà đoàn
xe hỏa đến đây cũng đỗ lại lấy
nước! Lory lại mắc xích nối vào
xe hỏa. Xe hỏa lại bắt đầu chạy.

Thỉnh thoảng, tàu chạy qua
suối, đường sắt uốn khúc, trông
rất nguy hiểm. Có khi tàu chạy
qua hang đục xuyên các núi đá,
trên có thạch nhũ rủ xuống, có
nước rơi róc-rách! Sau khi tàu
ra khỏi hang, trông lại phong

Du-ky

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 5

cảnh thực hữu tình! Du khách
có thể tưởng-tượng những tunnels
trên đường hỏa-xa Vân-nam cũng
như thế này mà thôi!

Đục núi đá, vừa đủ chỗ cho
xe lửa chui qua, công-cuộc khai
sơn phá thạch của người Pháp
thực là một công trình vĩ - đại!
Người Pháp đi đến đâu, trước
hết nghĩ đến việc mở các đường
giao-thông là những con đường
huyết mạch, ảnh-hưởng đến nền
kinh tế trong xứ. Dù gặp trở lực
đến thế nào, họ cũng không từ.

Dọc đường có tất cả bảy cái
hang nhân tạo gọi thường là tu-
nels. Tunnel đều ngắn cả, trừ
có cái hang Dột là dài nhất.

Đường hỏa-xa vẫn phải sửa
chữa luôn luôn. Chỗ nào có phu
làm, lại thấy ông khám-hộ ném
ít ký ninh vàng xuống cho phu
uống, để trừ sốt rét rừng. Đá
nhỏ xếp ở chân đường sắt cũng
do phu sở đốt mỏ ở một quả
núi đá gần đường tàu, rồi đập
nhỏ để dùng.

Cách Chợ-Đền 10 cây số, tàu
lại dừng lại để lấy nước ở suối
Bản-loàn. Đến đây, mấy người
phu mặc thêm một cái goòng
trên để hai cái thùng to tròn. Ông
khán-hộ cho biết đó là hai thùng
các ông Tây Mỏ dùng, vì nước
suối, chở về Chợ - Đền cho
Suối Bản - loạn đã được sở
Hóa-học Hanoi phân chất, công
nhận rất tốt không kém gì nước
Vichy nhà máy nước đá Chợ-
Đền vẫn dùng nước suối Bản-
loàn này để làm nước đá.

Tàu lấy nước xong, mở hết tốc

lực chạy qua một miền bình-
thản. Cách Chợ Đền 4 cây số,
có nhà máy điện. Nhà máy điện
này dùng sức nước do các ống
từ trên đỉnh núi truyền xuống,
để chuyển động-cơ, tây gọi là
sức « than trắng » Điện sản - xuất
ở nhà máy do giấy điện truyền về
Chợ Đền.

Không mấy lúc, phong - cảnh
Chợ-Đền đã xuất-hiện! Xa xa
đã trông thấy nhà ngôi xây trên
các ngọn núi, khói bay trên nóc
các nhà máy, một thành-phố kỹ-
nghệ lập trong một thung lũng,
chung quanh có núi bao-bọc.

Tàu gần vào đến ga, tôi trông
thấy một cái ô tô nhà có 4 bánh
sắt nằm trên đường hỏa xa. Hỏi
ra mới biết đó là Aotorail của
Công-ty Mỏ tự chế, để dùng cho
mau-chóng. Cũng là một sáng-
kiến hay!

Tàu đỗ ở ga Chợ-Đền, đã thấy
gia-đệ cùng hai tên lính-cơ đứng
đón, Anh em tay bắt mặt mừng,
cùng nhau hỏi qua loa vài câu,
rồi về nhà. Nhà xây trên một
ngọn núi, nên phải leo dốc và
trèo nhiều bậc thang. Tới nơi,
đúng bảy giờ chiều, vừa giờ lên
đền.

Đứng trên nhà, trông xuống
chung quanh, vẫn có cảm-tưởng
ở giữa một thành - phố, dưới
những ngọn đèn điện sáng - sủa,
có khác chỉ thêm núi cao, rừng
rậm, suối chảy, thông reo của
thợ Tạo an-bài...

Từ Chiêm-hóa qua Đầm-Hồng
vào tới Chợ-Đền, từ trưa đến
tối, luôn luôn đi - chuyển, một
bước không ngừng, cạnh đường

NHẬT-NHAM

vậy! Thế mà đương lúc mỗi gối
chồn chân được nơi cao không-
khoảng yên nghỉ, đương lúc
miệng khát, mà tại nơi sơn - lâm
lại có nước tranh, rượi bia nước
đá giải lao, cái giờ sung - sướng
nhất đời tôi, có nhẽ trong lúc ấy!..
Mà một nơi rừng núi xa lánh
không phải không có lúc làm
cho người ta được sung sướng,
ngoài những tên « ma thiêng,
nước độc, núi đỏ, rừng xanh.

Tắm rửa, cơm, nước xong,
qua vài câu về chuyện nhà
chuyện đi đường, tôi thiếp đi
lúc nào không biết, lúc tỉnh dậy
đã thấy rạng đông.

Sau hai ngày đi đường khó
nhọc, một đêm nghỉ cũng chưa đủ
lại sức, nên chúng tôi nhất định
nghỉ luôn một ngày nữa, chưa ra
nhà vội, đợi cho người khỏe
thực, sẽ đi thăm phong-cảnh.

Khi đó, tinh-thần sảng khoái, mới
hưởng được nhẽu sự khoái hoạt.
Nhưng tuy nghỉ vậy, cũng chỉ
nghỉ về phần xác thịt thôi. Không
muốn bỏ phí thời giờ, và ngồi rồi
cũng buồn, tôi bèn hỏi chuyện
gia-đệ về tình hình chính-trị và
kinh-tế hạt Bình-ti thuộc quyền
cai trị của gia-đệ, nhân dịp đó
xem gia-đệ có thông suốt dư - đồ
giải giang-sơn mình đương nhậm
có đủ tài lược để mưu hạnh phúc
cho dân hạt bay không. (còn nữa)

NHẬT-NHAM

Cải-chính

T. T. số 61, trang 6, cột 3: « Tỉnh
đạm-dật », sửa là « Tỉnh đạm-dật »!
Trang 20, cột 2 « Đồn sáu », in đúng
là « Đồn sáu đứt nốiSHIP mau thua.

Tín văn hằng tuần
ĐÔNG-DƯƠNG

Hội Phật-giáo Bắc-kỳ nhân nay
đã làm tiem xong ngôi chùa trung-
ương Quán-sư, định đến 13 9 1942
sẽ làm lễ nhập định tượng Phật-
có làm nhiều khóa lễ theo Phật-
giáo. Hội có lời mời thiện-tín
thập phương đến chùa dự lễ trong
dịp ấy.

Chiều hôm 30 Aout 1942, hội Tri-
Tri, một hội học đường dân, đã họp
đại hội đồng tại nhà hội quán phố
Hàng Quạt. Ban trị sự cũ tại được
tái cử. Họp xong, tất cả 76 người
dự hội đồng có đặt tiệc kỷ niệm
ngũ thập chu-niên.

Chiều hôm 3 septembre, tại Bắc-
kỳ có báo động. Các phi cơ Tàu
bay qua địa hạt Bắc kỳ, thả bom
xung quanh miền lân cận trường bay
Gia'lam. thiệt hại rất ít. — Phòng cao

Đón coi kỳ sau:

1/ Thân-thể và văn nghệ của
nhà thi hào Nguyễn Du

của HOA BÌNH

2/ Những văn thơ hay trong tập
vịnh Kiều

của các cụ CHU MẠNH-TRINH —

NGUYỄN-TĨNH-GÁNH — NGUYỄN-
KỶ-NAM CHU THẠP HI

3/ Ấn các nhân-vật trong truyện
Kiều

của cụ YÊN-BỒ

4/ Mấy bài vịnh Kiều và tập Kiều
của vua MINH-MỆNH và cụ HÀ

TÔN QUYỀN

Ai muốn viết thư trao
đổi ý-kiến về các vấn đề
tinh - thần xin gửi đến

M. Tứ - Hải



Boite Postale N° 74, Saigon

Tiết-tháo các ông thầy và tình thầy trò hồi trước

Tiên-Đàm NGUYỄN TƯỜNG-PHƯƠNG

Tối 22 Aoút 1942, ban Giáo - khoa hội Truyền-bá Quốc-ngữ có tổ-chức cuộc nói chuyện tại hội-quán hội Trí - trí Hà-nội. Ban Tiên - Đàm Nguyễn tường-Phượng, bản chỉ chủ-nhiệm, được cử ra nói chuyện. Bài diễn-thuyết ấy xin đăng dưới đây :

Thưa cụ Hội trưởng,
Thưa các bà,
Thưa các ngài,

TRƯỚC hết, tôi xin cảm ơn cụ Hội-trưởng và ông Giám-đốc Nguyễn Duy-Tĩnh đã cử tôi ra hầu chuyện các ngài.

Giới mùa hè này, nhiều người còn phải đi Đờ-sơn, Săm-sơn hóng gió mát, hay lên núi cao tránh nắng, thế mà các ngài lại bỏ hẳn những thi-giờ nghỉ đến đây nghe chúng tôi nói chuyện suông, thật là một cách «nghỉ hè» hơi lạ, lạ nữa, những câu chuyện chúng tôi sắp nói không được mát mẻ như những cơn gió nam, mà các ngài ngồi lẩn chỉ thêm bức và sốt ruột !

Thưa các ngài, nói chuyện thế-giới ở đây không hợp thời, vì trước những trận mưa gang, bão thép ở hai châu Âu Á, chúng ta biết sao hết mà dám bàn định hơn thua. Còn như chuyện xã hội ? Xã hội nay cũng nhiều chuyện hay lắm, học cười lắm, nhưng không phải là chuyện có ích cho các nhà mô-phạm.

Các ngài đây, phần đông, đều là những sứ-giả của hội Truyền-bá Quốc-ngữ cử ra thay mặt cho hàng nghìn hội-viên, để chống nạn thất học, dẫn dắt anh em nghèo từ chỗ hang tối ra nơi bóng sáng. Các ngài đã nhận một cái phận sự rất thiêng liêng, một bổn phận rất cao thượng, tôi không thể tả cho hết được, chỉ xin hình dung bằng một mẫu truyện con con :

Tôi vì phận sự, thường hay xuống Dạ-lữ-viện của hội Hợp - thiện. Không có gì cảm động bằng những đêm mưa phùn, gió rét, trong một gian nhà rộng, một vị giáo viên cùng mấy chục anh em nghèo làm việc, mặc cho giới lạnh, mặc cho gió bão thổi, ông thầy ra công dạy, học-trò hết lòng chăm chỉ, ngày tháng cứ trôi, mà công việc bằng ngày vẫn cứ đều đều như vậy.

Thầy các ngài làm việc như vậy mà lại không có lương-huống gì cả, tôi sực nhớ đến các ông đồ nho khi xưa, nếu đem ví với các ngài kể cũng chỉ khác nhau ở chỗ thời-đại mà thôi.

Cho nên hôm nay, tôi xin phép hầu chuyện về «Tiết-tháo các ông thầy và tình thầy trò hồi trước».

Tôi là một người kể chuyện rất vụng về, lẽ tất nhiên «con cả con kê» hay «đầu Ngô mình Sở» dám mong các ngài tha lượng cho, tôi xin kính tạ trước.

Thưa các ngài,

Theo quan-niệm Hán học : người ta ở đời, nhờ cha mẹ sinh ra mình, lại phải nhờ thầy dạy cho mình thì mới khôn, biết việc này hay việc khác, mới nên người ; cho nên đạo học trò ở với thầy cũng phải coi như con với cha. Vì vậy, có chữ «quân, sư, phụ».

Ông thầy ngày xưa là cả một cái gương sáng, học trò soi vào đấy mà bắt chước, các bậc đạo đức, mô - phạm đã được suy tôn như «núi Thái - Sơn», như sao «Bắc-đẩu», cho nên ông thầy cũng phải lo sao cho xứng-đáng làm thầy.

Ngay cuối đời Trần, bậc danh nho Chu Văn-An đã làm tiêu-biểu cho cái tiết-tháo một ông thầy, đáng làm khuôn mẫu cho các ông thầy khác.

Tiên-sinh là người làng Quang - liệt, huyện Thanh-trí. Tính nết rất ngay thẳng, điềm đạm, không ham danh lợi, chỉ cốt lấy sự tỏ đạo thánh nhân, triệt mối dị-đoan làm việc mình.

Ông có mở trường dạy học ở thôn Cung-hoàng, học trò đến học rất đông. Nhiều người hiền đạt như Phạm Sư-Mạnh, Lê-Bá-Quát đều làm đến Tể-tướng mà vẫn phải giữ phép học trò, đứng hầu dưới thềm.

Trong năm Khai-thái đời vua Trần Minh-Tôn (1314-1329), vua nghe tiếng ông là bậc đạo học mô-phạm, bèn vời vào làm Quốc-tử-giám tư-nghiệp.

Đến niên-hiệu Đại-trị đời vua Giu Tôn (1341-1369), chính-sự suy đốn, quyền thần kiêu-ngạo ; ông dâng sớ xin chém 7 người, nhà vua không nghe, vì thế ông cỗi mủ, giả chức quan, xin về làng cũ.

Rời về ẩn ở núi Phương-hoàng, huyện Chí-linh, tỉnh Hải-dương, lấy hiệu là Tiều-Ẩn, vui với núi non, an bản lạc đạo.

Nhà vua muốn triệu ra làm tướng, nhưng ông nhất định không chịu làm quan nữa.

Bà H.Đ. Từ Thái-hậu đã nói rằng : «Người ấy là bậc cao hiền, Thiên - tử không có quyền bắt người ta làm tôi được».

Vua sai ban áo mũ cho ông, ông nhận nhưng lại đem cho người khác. Học trò, cả nước đều kính trọng.

Về sau, ông mất, vua Trần Nghệ Tôn (1370-1372) sai quan đến dụ tể, ban tên thụy là Văn-Trinh và cho hiệu là Khang-Tiết tiên-sinh, cho được tòng tự vào Văn-miếu ngang-hàng với các bậc tiên nho.

Đến nhà Lê, vị cao-sĩ Nguyễn-Bỉnh. Khiêm cũng là một ông thầy đang chú ý. Tiên sinh người làng Trang am (nay là Cổ-am) huyện Vĩnh-lại (nay là Vĩnh bảo) tỉnh Hải-dương.

Ông sinh về năm Tân-Hợi (1491) đời Hồng-đức (niên-hiệu vua Lê thành-Tôn), người đầy-dã to lớn, mặt mũi khôi ngô, và thông minh rất sớm.

Nhưng ông sinh ra gặp thời loạn nên quyết đi ở ẩn.

Niên-hiệu Quang-thiệu đời Lê Chiêu-tôn (1516-1521) có việc biến loạn, nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông tính thái-ất biết nhà Lê sẽ phục hưng được, có bài thơ cảm hứng như đây :

Non sông nào phải buổi bình thời
Thù danh nhau chỉ khêu nực cười !

Cả vạ, chim rừng, ai khến
Quê

Núi xương, sống huyết, thăm
đầy nơi ;
Ngựa phi chắc có hồi quay cõ,
Thú dữ nên phòng lúc cắn
người.
Ngán ngán việc đời chỉ nói nửa,
Bên đầm say hát nhõn - nhơ
chơi.

Về sau, nhà Mạc chiếm K'nh-đô
Thăng-long, bốn phương đã hơi yên ổn ;
ban hữu nhiều người khuyến ông ra
làm quan Bất đắc dĩ ông phải ra thi,
đỗ Trang-nguyên niên hiệu Đại-chính
(1530-1540) nhà Mạc, bấy giờ đã 44 tuổi.

Làm quan được 8 năm, trước sau đáng
số hạch 18 người lòng thẩn, nhưng vua
không nghe, ông cáo quan về.

Rồi lập nhà gọi là Bạch-vân-am, vui
chơi non nước. Vua Mạc tôn quý ông,
thường cho người đến hỏi những trọng
sự.

Năm Ất-dậu (1585), ông thọ bệnh mất.
Nhà Mạc tặng Lại-bộ Thượng-thư, Thái-
phó Triabin quốc-công. Vì thế, đời gọi là
ông Trang-Trình.

Học trò ông rất nhiều, trong số ấy có
Lương Hữu-Khánh, (1) Phùng Khắc-
Khoan (2) đều là danh thần đời Lê
Trung-Hưng.

Dưới triều Tây-sơn (1778-1801), nhà
hân-sĩ ở La-sơn là Nguyễn-Thiếp nguyên
làm Tri-huyện Thanh-chương ở Nghệ-an
về cuối Lê. Khi nhà Lê mất, ông ở ẩn,
dựng nhà ở Lục-niên thành, dạy học trò,
vua Quang-Trung nhiều lần cho mang
lễ vật đến vời, nhưng ông nhất định
chối từ không nhận cũng như không
chịu ra làm quan.

Trong thư từ giao thiệp còn lại ngày
nay, ta còn thấy vua Quang-Trung, vị
anh hùng đã phá tan quân nhà Thanh,
trong sự xưng hô, vẫn tôn ông là La-
sơn phu-tử. Đủ biết đức vọng của sử
sĩ ấy thế nào !

Dưới triều Nguyễn ta cũng có mấy vị
cao-sĩ, tưởng nên thuật qua ra đây để
góp vui câu chuyện.

Ở vùng Nghệ-tĩnh có ông Thám Nhất
là một bậc mô phạm có tiết-tháo.

Tiên-sinh húy là Nguyễn Đức-Đạt, hiệu
là Nam-sơn Khả-am, sinh năm Ất-dậu
(1825), niên hiệu Minh-Mệnh thứ sáu,
thông-minh, lối-lạc : đỗ Cử-nhân khoa
Ất-tý (1845), niên hiệu Thiệu-Trị thứ
năm, và đỗ Thám-hoa khoa Quý-sử
(1853), niên hiệu Tự-Đức thứ sáu.

Cụ đã ra làm Bức-học An-tĩnh, năm
Tự-Đức thứ mười sáu (1863), ngự-sử
ở Huế năm Tự-Đức thứ mười tám (1865)
rồi ra An-sát, Bồi chính Thanh-hóa, Tuần
phủ Hưng-yên và cáo quan về năm Tự-
Đức thứ hai mươi chín (1866), mở
trường dạy học ở núi Đông-sơn.

Cụ mất năm Đồng-khánh thứ hai
(1887), thọ 63 tuổi.

Ngày nay ai đi vào Trung-kỳ, qua
miền ấy còn thấy chỗ núi Đông-sơn, nhà
biển « Tam bình nhâm » và giếng đường
của cụ Thám Nhất. Nay gần đây có
phần-mở cụ trên mộ có bi-ký kể công-
đức của thầy do hai ông học trò là
Hoàng Cao-Khải (3) và Cao Xuân-Dục
(4) dựng nên.

Ái vào Ninh-bình cũng chiêm lăng
vua Đinh, không nên quên thăm Liên-
hoa-đồng.

Đồng này là nơi ẩn cư của cụ Hoàng-
giáp Tam-đăng Phạm Văn-Nghị (cụ là
người làng Tam - đĩnh, nay là Tam-
quảng) tỉnh Nam-định đỗ Hoàng-giáp
đời Tự-Đức (1848-1883), làm quan có
tiếng là thanh-liêm, sau cáo quan về
dạy học. Chung quanh đồng có ngòi
nước, cụ cho giồng sen, đất tầu là đồng
Liên-hoa. Thường khi xong buổi học, cụ
lại ra điếu-dài, thả một cần câu, khác
nào Tử-Nha câu trên sông Vv.

Đến nay trong văn-giới còn truyền
tụng hai bài *thuật hoai* của cụ :

Ta chẳng trêu ai, chẳng ghẹo ai,
Ơn vua về ở động Thiên-thai.
Thiên-thai chỉ thấy non cùng
nước,

Non nước làm vui gác chuyện
ngoài.

Một cần cần câu tới thạch bàn,
Cá tuy không được, chỉ ngồi
gan.

Dù ai xem giở cười không cá,
Không cá nhưng ta đã được
nhân.

Thật là cao khiết và cốt cách thần-
tiên !

Học trò cụ Tam-đăng đông lắm, trong
số ấy có ông Tam-nguyên Yên-đồ (5).

Dưới đây là chuyện giai-thoại trong
trường cụ :

Gặp khoa thi hương, cụ Tam-đăng gọi
học trò đến dặn rằng :

— Năm nay thi, anh Vi-luýen (?) lấy
chợ thầy cái Thủ-khoa trường Nam, anh

Yên-Đồ cái Thủ-khoa trường Hà, còn
anh Vi-Xuyến đến kỳ thi Hội cố giật nốt
cái Tam-nguyên.

Tan buổi học, ông Yên-Đồ tức làm
bữa với ông Vi-luýen rằng :

— Thầy khinh tôi quá, thầy cho tôi
chỉ đỗ được Hương thời.

Ông Vi-Xuyến vội giả nhời :

— Không phải thế đâu, bình nhất
tôi vẫn kém anh, thầy nói thế là khuyến
tôi cố theo được bằng anh đấy.

Quả nhiên khoa Hương ấy hai ông
cùng đỗ Thủ-khoa ; đến Đình-thi ông
Vi-luýen đỗ Đình-nguyên, còn ông Yên-
Đồ hỏng in-t.

Một hai khoa sau ông Văn-Đồ cải tên
là Nguyễn-Khuyến ở lại Kinh học Quốc
tử giám mới đỗ. Xem đấy thì biết không
phải chỉ cha mới biết tính con, ông
thầy khi xưa cũng xét biết cả tính hạnh
và tương lai của học trò.

Những điều đáng chú ý nhất là cái
tình bề bạn khi trước rất tốt ; nếu
không, chỉ một lời nói của ông thầy
như trên cũng đủ xảy ra sự không hay
giữa hai ông Vi-Xuyến và Yên-Đồ rồi.

Còn nữa

Giáo-Đàm NG. TƯỜNG PHƯỢNG

1. Lương Hữu-Khánh là con g'ai
ông Bânq-nhân Lương Đắc - Bânq,
người làng Hội-triền, phủ Hoành-
hóa, tỉnh Thanh-hóa, giúp nhà Lê
Trung-Hưng, làm quan đến Bình bộ
Thượng-thư.

2. Phùng Khắc-Khoan người làng
Phùng-xá, huyện Thạch-thất, tỉnh
Sơn-tây, giúp nhà Lê Trung-Hưng,
có đi xứ Tầu, làm quan đến Thái-
phó, tước quốc công.

3. Ông Hoàng Cao-Khải hiệu Thái-
xuyến, người làng Đông-thái, phủ
Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, đỗ cử-nhân,
làm quan đến Thái-phó, tước Dayén-
mặc quận-công, có soạn nhiều sách
bằng quốc-âm.

4. Ông Cao Xuân-Dục người D.ễn-
châu, Nghệ - an, làm đến Lễ bộ
Thượng thư có soạn nhiều sách.

5. Ông Nguyễn tất-Thắng, sau đổi
là Nguyễn - Khuyết, người làng và
tổng Yên-đồ, tỉnh Hà nam, đỗ Tam
nguyên, làm quan đến Sơn Hưng
Tuyên Tổng-Đốc, có tài làm văn nổi
nhiều bài được truyền tụng.

Nam-đàn bát-châu tục-thảo

Số 4

Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

VII

VIII

Vịnh-hoài Nam-sử cổ-tích bốn bài

(Bốn bài đều thơ soạn)

Bài thứ nhất — Thánh Phù-dồng

Cứu khổ-nạn, mà lánh xa quyền, lộc, tước :
Thối vĩ-nhân vì nước xưa nay.
Xui nên những sự lạ thay !
Mấy kia ngựa sắt, núi này áo nhung.
Ba tuổi, nghiệp Hùng tay chống vác,
Nửa chiều, non Vũ giặc tan-tành.
Hội Phù-dồng, miền Bắc-ninh,
Chẳng mưa thì gió, hiền-linh phi thường,

Chú-thích

Vịnh-hoài: Thơ Đường vốn có một thể-tài là « vịnh, hoài cổ-tích, tức là « Vịnh sử » với « Hoài cổ », hai thể hợp nhất, rất có màu-nhiệm thú-vị.

Mấy kia ngựa sắt, núi này áo nhung: Cổ-sử: Ngài người làng Phù-dồng, lên ba tuổi, hốt nhiên biết nói, ứng lời Hùng-vương cầu tướng, đi đánh giặc Ân ở Vũ-ninh sơn. Giặc tan, ngài liền cưỡi ngựa sắt, bay lên trời, giải thoát bộ nhung y ở núi Sóc-sơn, tục gọi núi Đồi-mã, nay thuộc Phúc-yên, Đa phúc. Áo nhung là một thứ áo giáp dùng để đi đánh giặc. Chinh-phụ ngâm: « Áo nhung trao quan vũ từ đây ».

Phụ-thuyết quang-cảnh hội Dóng

Miền Bắc-ninh, Tiên-du hàng năm mừng tám tháng tư là ngày hội Dóng (tức Phù đồng). Đền cổ, nguy nga nghiêm túc, tiếp giáp triền sông Thiên-đức, đê cao, bãi rộng. Ngựa thần đứng trên xe, dân hết sức kéo và chạy. Cờ phất, quân reo, nữ tướng của giặc Ân làm bộ lai hàng. Lại thường gặp cơn giông tố trợ oai, vì mùa ấy là tiết hạ mùa mưa, thường có mưa to gió lớn; song cái lòng tin ngưỡng của người ta cho là oai-linh ngài bất diệt. Duy quân tử nên hiền rằng dù thế nào mặc dầu, ngài là một vị cổ thánh nhân an bang cứu quốc, đứng đầu trong lịch sử trời Nam, tròng lên mây xanh, tưng lúc nào cũng thấy bóng guơm vàng ngựa sắt, chẳng những gì ngày hội Dóng. Ngài sở dĩ bất diệt, là vì người ngài kỳ dị, cộng ngài phi thường, danh ngài tối-cổ, đức ngài cao thượng.

Bài thứ hai — Tiên Dạ-trạch

Ngàn lau-sậy, chăm gì? chăm Nhất-dạ.
Nhớ ngày xưa, tiên đã thăng tiên.
Bến này vốn gọi Tự-nhiên;
Phỉ nguyên Ngọc nữ, đẹp duyên Kim-dồng.
Người tuấn kiệt, móng rồng thành sự nghiệp,
Khách trần ai, giấc điệp hiền công danh.
Nước non tac chữ hữu tình;
Tay tiên giúp cuộc thái bình nhân gian.

Chú thích

Chăm Nhất-dạ: Ngoai sử: Tiên Dung, Chử Đồng Tử một đêm thăng tiên, lâu đài sứt xuống thành chăm, người đời sau nhân gọi là « Nhất dạ trạch », nay thuộc Hưng yên, phủ Khoái châu,

Bến Tự-nhiên: Hai người thành phu phụ vốn tự duyên trời tác-hợp, chẳng hẹn mà nên, người đời sau nhân gọi bến đó là « Tự nhiên châu » (Tự - nhiên châu tức là chỗ Nhất dạ trạch, vốn nhiều lau sậy)

Ngọc nữ, Kim đồng: Danh hiệu hai vị thiếu niên tiên.

Người tuấn kiệt: Tức là Triệu - Việt - vương Ngoai sử: Chử tiên cho vua Triệu bộ móng rồng ẽ chế mũ đầu mâu, từ đó đi đánh quân Lương, đánh đầu được đấy, lập thành vương nghiệp ở đất Long biên.

Khách trần ai: Tức là ông Nguyễn Trãi nhà Lê, Ông Trãi thừa hàn vi, yết miếu Chử tiên, tiên ứng cho mộng tốt. Sau ông Trãi vào Lam sơn tìm vua Lê Lợi, quả nhiên giúp vua Lê đánh được giặc Minh, công danh hiển, bách trọng Lê sử. « Trần ai » là kẻ anh hùng khi vị ngộ, còn hỗn-tạp trong đám bụi trần. Câu đối cổ: « Ai công-hầu, ai khanh tướng, còn trần ai, ai dễ biết ai »,

Điệp: Con bướm bướm. Giấc điệp tức là giấc mộng. Sách Trang tử: « Trang Chu từng chiêm-bao thấy mình hóa làm con bướm bướm ».

(kỳ sau sẽ tiếp)

Hà-dông, NGUYỄN-ĐƠN-PHỤC

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông - Pháp

1p00 một vé

Tài-liệu đề đình-chính những bài văn cổ...

Số 39

Ứng-Hoà NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXXI

Con rề tể bố vợ (1)

Than rằng ; Người lấy trăm làm hạn, mơ - màng
chót đã mấy trùng khơi ; con dâu nữa là tình, mấy
chút cũng rằng muốn sự đủ. Âm-dương hai lối
khôn lường, tâm-tự nghìn lời dễ tỏ.

Từ thừa loan hoàng gióng cánh, cò chung êm
một dịp xướng - tùy, tới khi xa hũy lần tin, lộng-
ngõa trái năm phen cần phủ Đăm chiêu mấy thuở
nhủ nên khôn ; âu-yếm phận nào công với của.
Giấc mai đào chấp chới, duyên kim toàn vẹn cả mấy
bề ; nơi phần tử vun giồng, đường gia-thất lại gây
nên ba độ Chưa phong lưu nhưng giá cũng thanh
nhân, chưa phú-quí cũng vào nhòng Khang-phụ.

Cây mây cuốc gió, phê-pha ngày thang lam nghề,
đất bụt chim giới, đủng-đĩnh ít nhiều vui thú. Lợi
danh chi lắm lòng trần ; Khang - thái dần lên cõi
thọ ; Bảy tuần thêm có lẽ mong nhân-nhà tới độ
bách niên ; tháng chín ngày mười hai bỗng chốc
nên cơ vận cồ.

Thôi thôi, Diệu-linh mấy mờ, Nguyệt-giang sóng
vỗ. Âm dung vắng-vắng hẳn còn đâu ; sự tích rành
rành in lại đó. Rắp cầu xa tìm bóng, ngược xuôi
những khách vắng-lai, mong chợ núi gọi tin, trưa
sớm những người tán tụ. Đi đâu mà nhân cảnh
xa-xa ; sao nỡ dễ gia-tình vò-vỡ ?

Cực lòng nhân-tử biết nhường bao, ngàn nỗi
hóa-sinh sao nỡ phụ ? Hay nghĩ đến nữ - nhi chưa
thỏa, ở hồng trần càng thẹn nước non này ; hay
ước cùng tăng tế chẳng quên, về hoàng - nhưỡng
lại vầy sơn hải cũ. Giở đường kim tích bao cùng,
kể chuyện tâm dân càng khờ.

Xót nhẽ kẻ bèo mây phận thế, chữ tại-gia khi ấy
luống băng - khuáng ; thương thay người hương
hỏa cơ sao, câu thừa-tự lúc này thêm tủi hổ ! Lũ
biều tôn sa nước mắt bi-ai ; đoàn chúng-tử quận
khúc lòng oán-mộ !

Rày nhân tiết đã sang đông, ngày vừa nên mộ.
Ơn đủ bốn, ngoại cũng như nội, dãi niềm đơn cho
tổ đạo đông sàng ; rề rầy ba, nữ đã như nam, bầy
lễ bạc ngỗ dền công nhạc-phụ. Rượu giót ba tuần
chỉ-lưu, giả dền công cho hã với dân-phong ; vò
dang hai chữ duy-hình, xin chứng-giám kéo hũ
cùng thế-cổ.

Than ôi ! thương thay ! cố thiếng xin hưởng.
(Trích ở quyển Lệ-ngữ văn-tập, sách viết bằng
chữ nôm của Trương Bắc-cổ, số AB 166, tờ 27a-
28a.)

CXXXII

Vịnh thi - khiếu (hai bài)

Mỗi chiều là mỗi có dung quang,
Chế-độ xem đà nhạt mực thường.
Quanh-quất vườn xuân đua phượng vũ,
Dập dìu cửa Thuần giống loan hàng.
Kiền-thiên lồng lộng đồ ngán ngất,
Thụy-khi hấy hấy sắc rõ ràng.
Thấy thấy thỏa chung cơ tự-đắc,
Ắt đây đã đáng chữ xuân trường.

(Trích ở quyển Ngự-đề Thiệu-hòa-doanh bách-
vịnh, của Trịch-Cần sách viết bằng chữ nôm của
Trương Bắc-cổ, số AB 544, tờ 31a)

Từ mùa cầm-sắc vốn thanh quang,
Ngắm ngbia ầu nên cảnh khác thường,
Song sóng nền nhân cao mấy đợt,
Rờn-rờn cây đức lối nghìn hàng.
Người ơn ăm lý, người vui vẻ,
Vật đượm tư-thành, vật rõ ràng
Gác ngọc nhiều phen vầy khánh thượng,
Gấm nơi mới hội vịnh du-trường.
(Theo văn trên, trích ở quyển Ngự-đề Thiệu-hòa
doanh bách vịnh, tờ 32a)

CXXXIII

Cột cờ ở Linh-sơn

Sàng-sơn một ngọn đồi cao,
Hình cờ chót vót cheo-leo dưới giới.
Đêm đêm giăng sáng tới nơi,
Sớm ngày bóng nắng mặt giới như in.
Mắt trông các núi gần miền,
Trên thành thu lại muốn nghìn dặm xa.
Ừ nhân gang tấc nguy nga,
Quanh đi mấy độ tưởng là giới xuân.

(Trích ở quyển Phong-cảnh biệt-chí, sách viết
bằng chữ nho và chữ nôm của Trương Bắc-cổ số
A B 377 tờ 16 a-b).

CXXXIV

Chiến hạm bên sông

Đầu sông chiến-hạm thung-dung,
Mặt giới soi lại gần trong cao-đất,
Khéo cầm bánh lái có ai ?
Sang sông phải đợi người tài chèo bơi.
Nước trong giới sáng thanh-thời,
Đêm khuya bóng nguyệt mở chơi mũi bổng.

xem tiếp trang 20

Phê bình văn học

Tiếp theo trang 8

nam Thiên-ứng chính bình thứ 10, khi Trần-quang-Khải, người em « liền dốt » của Thánh-tôn ra đời, sử gọi là hoàng-tử thứ ba (Hoàng đệ-tam tử).

Một người ở trên hoàng-tử thứ ba, thường gọi « chàng Hai », lại có người anh cùng cha khác mẹ, thế mà không phải là « thứ » thì còn là « cả » với ai ?

Vậy là về việc chép các lược-sử tác-giả, chẳng những tôi không « sai lầm » mà còn chẳng sai chút nào.

NGÔ TẮT-TỐ

Ấy thế mà vẫn sai lầm, vì ông Ngô tất-Tố không đọc sử cho thật hết. Lấy ngay câu chuyện trên kia cũng đủ rõ. Ông Ngô tất-Tố dẫn sách Đại-Việt sử-ký, bản kỷ, để chứng rằng Trần Thánh-tôn là con thứ Trần-Thái-tôn, chứ không phải là con trưởng. Nhưng chính sách Đại-Việt sử-ký bản kỷ lại chép ở quyển thứ năm, tờ 37a, như sau này : Trần-Thánh-tôn, tên húy là Hoàng, là con trưởng Thái-tôn : « Thái-tôn trưởng tử ». Rõ ràng như thế, mà ông Ngô tất-Tố cứ cãi. Ông được ! Thì ra duyên-do như thế này : Hoàng thái-tử Trịnh mất năm 1233 : Sách Đại-Việt sử-ký bản kỷ, quyển 5, tờ 11b, « xét phép chép sử, nói hoàng thái-tử sinh, phải chép đủ ngày tháng, mất cũng thế ; đây chỉ chép mất, không chép ngày tháng, hoặc mới sinh ra mà chết non, cho nên chép lược như thế ». Đã chết non thì đưa con thứ hai là con trưởng, chứ không phải là con thứ. Thường dân ta cũng vậy : tuy đưa con đầu là con gái,

nhưng chết non, không có con cái gì, thì đưa thứ hai cũng là con trưởng. Thế sao Đại-Việt sử-ký bản kỷ lại chép Trần-Quang-Khải là « hoàng đệ tam tử » ? Đây là sử-thần có ý đếm cả các con vua Thái-tôn, từ hoàng-tử Trịnh chết non, cho đến các con đẻ sau, như Trần-Quang-Khải : đẻ thứ ba thì gọi là « hoàng đệ - tam tử », không có gì là lạ cả, nhưng phải hiểu chuyện mới được. Quốc-Khang là anh Thánh-tôn, nhưng cùng cha khác mẹ, vậy gọi Thánh-tôn là « nhị-lang » thì cũng đúng lắm ; tuy là anh nhưng không phải là con Thái-tôn nên sử phải chép Thánh-tôn là con đích-trưởng Thái-tôn. Và lại quyển sử nào cũng chép là « Thái-tôn trưởng tử » : vậy không phải bàn nữa.

NGUYỄN VĂN-TỐ

Đoạn tư, ông Tố bảo tôi dịch chữ nho sai.

Trong bài bịch của Trần - quốc-Tuấn có câu « hoặc bạo khí thì thư, vì dư giao hối, thì tức thế chi cừu-thù giã », tôi dịch ra rằng « nếu mà bỏ bề sách ấy, trái lời dạy bảo của ta, ấy là mối cừu thù kiếp xưa. Ông Tố chưa lại như vậy : « Hoặc bạo ngược (!) bỏ sách này, trái nhời ta dạy bảo, ấy là cừu thù đời đời ».

Trong ông thì trong những câu ông chưa, nhất định tôi không-giam lĩnh giáo.

Bởi vì theo tự-diễn Tàu, chữ « tức » có nghĩa là « cũ », « tức thế » tức là « đời cũ ». « đời trước, hay là kiếp xưa », chỉ về cái kiếp quá khứ không có nghĩa về tương lai. Nếu dịch ra là « đời đời », thì nó hóa ra hai chữ « thế thế », không phải là « tức-thế » nữa. Người Tàu họ

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai - Hanoi sốne

cười cho chết.

Còn chữ « bạo khí » nghĩa là « bỏ cách vạ vật, khinh-dễ », không tiếc gì nữa. Nếu dịch là « bạo-ngược bỏ » thì e rằng không hợp lỗ tai của người An-nam và rồi có kẻ bắt chước kiêu đó, đặt thêm tiếng « hiên lành bỏ » ấy là làm loạn trật-tự của tiếng mẹ đẻ. Nhà tôi được bao phúc - đức, mà tôi dám theo ông Tố chơi lối dịch ấy.

NGÔ TẮT-TỐ

Ông Ngô tất-Tố ngắt nhầm : câu dịch trên kia phải ngắt như thế này : « Hoặc bạo ngược, — bỏ sách này » chứ « bạo ngược bỏ » thì còn có nghĩa lý gì ! Chẳng qua ông Ngô tất-Tố muốn cãi lặt dấy thôi, vì ông không dẫn nổi chữ « lúc thế oan-gia », mà câu dịch của ông không được thoát nghĩa. Vậy xin nhắc lại rằng phải dịch như sau này : « Hoặc bạo ngược, bỏ sách này, trái nhời ta dạy, ấy là cừu thù đời đời », hay như thế này cũng được : « hoặc tự bạo tự-khi, không chịu chuyên tập sách này, trái nhời dạy bảo của ta, ấy là cừu thù đời đời ». Chữ bạo-khi đã thành danh-từ ; chữ bạo cũng như nghĩa chữ hại, chữ khi cũng như nghĩa chữ tuyệt, « bạo do hại giã, khi do tuyệt giã » ; chữ Từ-nguyên, nhưng chữ bạo-khi chính là chữ Mạnh-tử tới sẽ dẫn dưới kia làm câu kết. Ông Ngô tất-Tố dịch là : « Nếu mà bỏ bề sách ấy » thì thiếu chữ « khinh-dễ » nay ông mới cải thêm ; ông dịch « ấy là mối cừu thù kiếp xưa » thì trót sao được ?

NGUYỄN VĂN-TỐ

Hãy đọc

TRONG 99 CHÓP NÚI

(Đình nhật Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm)

Một công trình khảo-cứu rất giá-trị của ông ĐÀU - TIẾP
Nguyễn văn-Đề của ông PHÓ XUYỀN Hà-xuân-Tế.

Giá : 1p.00

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT - 49 - rue Takou - Hanoi

Ở bài dịch ấy lại có câu rằng « *Sử-bình-lỗ chỉ hậu, vạn thế di tu* » tôi dịch ra làm « *sau khi giúp yên quân giặc, các người sẽ phải đề thẹn muôn đời* ». Ông Tổ bảo chữ « *bình-lỗ* » dịch làm « *giúp yên quân giặc* » là nhầm hẳn, chính nó là « *Thành Bình-lỗ* » rồi ông lấy bốn chữ « *Bình-lỗ thành danh* » ở sách « *Trần đại vương bình Nguyên thực lục* », bản sao của trường Bác-cổ để làm cột tựa cho cái ý đó.

Cái « *cột tựa* » ấy của ông Tổ không phải là tôi không biết. Khi trước vì muốn tìm kiếm tài-liệu để viết cuốn sách gọi là *Trần-giặc Mông-cổ*, tôi đã có đọc sách ấy của trường Bác-cổ. Hơn nữa, khi soạn tiểu-sử của các tác giả đời Trần, tôi phải luôn luôn có đủ các sử trước mắt, nhất là cuốn « *Việt-nam sử lược* » của ông Trần Trọng-Kim, há lại không thấy dưới chữ « *Bình-lỗ* » của sách này, Trần tiên-sinh đã dẫn « *Việt sử khâm định* » mà chưa là « *thành Bình-lỗ* » (2) ?

Nhưng theo sự cân nhắc của tôi, thì với mạch văn chỗ đó, mà nhận « *bình-lỗ* » làm thành *Bình-lỗ*, thật là không xuôi Bởi thế tôi mới dịch là « *giúp yên quân giặc* ».

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

<i>Truyện đức Khổng tử</i>	1.00
<i>Mấy thầy tu huyền bí</i>	1.10
<i>Na-Tiên Ti-kheo kinh</i>	
<i>Cuộc vấn đáp về đạo-lý</i>	0.80
<i>Pháp-giáo nhà Phật</i>	1.10
<i>Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ</i>	
2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
<i>Chuyện Phật đời xưa</i>	1.00
<i>Du lịch xứ Phật</i>	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10% làm cước phí. — Cũng gửi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25% và khỏi cước

Thơ đề:

M. ĐOÀN TRUNG - CỒN
143 - Rue de Louvain, Saigon

Đấy, đoạn văn ấy như sau :

« ... Bất dĩ trừ hung vi tâm, nhi hựu, bất giáo sĩ tốt, thì đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ dịch, sử « *bình-lỗ* » chỉ hậu, vạn thế di tu, hựu hà diện mục lập ư th'ên địa phú tái chi gian gia » ?

Dịch chớ sát nghĩa, và không văn chương thì là :

« ... Không nghĩ đến sự trừ kẻ hung bạo, mà lại không dạy quân lính, ấy là quay áo hàng giặc, dơ nắm tay không chia giặc, khiến sau « ... bình-lỗ »..., muôn đời đề thẹn, còn mặt mũi nào đứng ở giữa khoảng trời đất che chở ».

Hỏi các độc-giả thông minh và công bằng, các ngài hãy thử nghĩ xem trong đoạn văn ấy, hai chữ « *bình-lỗ* », là « *thành Bình-lỗ* » phải hơn, hay là « *giúp yên quân giặc* » phải hơn ?

NGÔ TẮT-TỔ

Độc-giả thông-minh sẽ giả nhời rằng : sách đã chưa rõ như thế thì phải theo ! Chữ ông « *cân nhắc* » thì lấy gì làm chắc ? Vả lại sách Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục, quyển 8, tờ 31 b chép nhời đức Trần Hưng-Đạo như sau này : « *Về đời Đinh, Lê, chọn được người hiền-lương, đất Nam cõi mới, phương Bắc nhọc mệt, trên dưới cùng lòng, lòng dân không chán, đắp thành Bình-lỗ mà phá quân Tống...* », nguyên văn là : « *Trúc Bình-lỗ thành nhi phá Tống-quân* ». Sách Trần-triều hiền-thánh chính, kinh tập-biên, tờ 103 b, cũng chép như thế. Vậy phải dịch « *Bình-lỗ* » là tên thành.

NGUYỄN VĂN-TỔ

Cũng ở đoạn này, ông Tổ còn bảo tôi chép nguyên văn chữ Hán cũng sai, như câu « *Công-Kiên chỉ ư tỳ tướng* » chép trong « *Trần-gia điển tích thống biên* », (sách viết của trường Bác-cổ) tôi đã « *cho in* » làm Công-Kiên chỉ vi thiện tỳ ».

Nhưng không sai. Tôi chép như vậy là theo « *Đại-Việt sử-ký bản kỷ* » và « *Hoàng-Việt văn tuyền* ».

Ông nên giữ lại « *Đại-Việt sử-ký bản kỷ* » bản in của đời Lê, quyển sáu, tờ mười hai, trang trên, và « *Hoàng-việt văn tuyền* » bản in của Hy-văn-đường, quyển bảy, tờ thứ hai, trang trên, mà xem. Ở những chỗ ấy đều chép « *Công-Kiên chỉ vi thiện tỳ* » tất cả.

Tôi chưa đọc cuốn « *Trần-gia điển tích thống biên* » của trường Bác-cổ, nhưng dù có đọc, tôi cũng chép là « *Công-Kiên chỉ vi thiện tỳ* ». Bởi vì làm kẻ khảo-cứu, phải in hai bản sách in hơn là một bản sách viết.

NGÔ TẮT-TỔ

Ông Ngô tất-Tổ nhầm. Có cả sách in chép là : « *Công-Kiên chỉ ư tỳ-tướng, Ngột-Lang chỉ ư phó-nhi* ». Sách in ấy là sách Trần-triều hiền-thánh chính-kinh tập-biên, của Trường Bác-cổ số A 2382, tờ 93 b. Những nhà có điện thờ đức thanh Trần, phần nhiều có quyển sách ấy. Thế là ngoài sách của ông Trần-trọng-Kim, lại còn có hai quyển chép « *chỉ ư* », chứ không chép « *chỉ vi* ». Dù có một quyển chẳng nữa, cũng phải xét nghĩa rồi hẵng dịch. Nay thử xét xem ra thế nào.

Bài dịch của đức Trần Hưng-Đạo h'ều-dụ tỳ tướng có đoạn nói rằng : « *Vương-Công-Kiên là người thế nào ? Tỳ-tướng của Vương-Công-Kiên là Nguyễn-văn-Lập, lại là người thế nào ?...* Các người ở môn-hạ ta đã lả, coi giữ binh-quyền không có áo thì cho áo mặc, không có ăn thì cho cơm ăn... Coi Công-Kiên đối với tỳ-tướng, Ngột-Lang đối với phó-nhi, cũng chưa kém gì ? »

Chữ Hán chỉ sai có một chữ « *ư* » viết nhầm ra chữ « *vi* », mà nghĩa thì sai xa lắm : « *chỉ ư* » nghĩa là đối với ; nếu nhầm là « *chỉ vi* » thì ra hai người ấy làm tỳ-tướng và phó-nhi ! Như thế đối với đoạn trên thật là trái ngược, vì trên đã nói Công-Kiên có tỳ-tướng là Nguyễn-văn-Lập, mà dưới lại nói Công-Kiên làm tỳ-tướng thì nghe sao được ? Vả lại liền với câu « *cũng chưa kém* »

gì: » lại càng trái hẳn nghĩa, vì đức Trần Hưng-Đạo có làm tỳ-tướng bao giờ mà lại vì không kém người ấy làm tỳ-tướng ?

Nói tóm lại, từ cách đề tên sách cho đến cách dịch sách, ông Ngô tất-Tổ nhầm rất nhiều và rất là rõ-rệt. Việc nhà phê-bình là phải chỉ ra những chỗ nhầm ấy. Nhưng xét ra ông Ngô tất-Tổ không phải là người biết phục-thiện. Cho nên khi bàn đến nghĩa chữ « tự-khí » trong bài hịch của đức Trần Hưng-Đạo, tôi sức nhớ đến một câu trong sách Mạnh-tử, bâng giở tôi chép ra đây làm câu kết luận: « Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn giả; tự khí giả, bất khả dữ hàn vi giả », nghĩa là không thể cùng nói chuyện với người tự-bạo, tức là người tự mình hư mình; không thể cùng làm việc với người tự-khí, tức là người tự mình bỏ mình.

NGUYỄN VĂN-TỐ

1) Chép theo Nam-phong, số 45 tháng mars 1921 trang 251. Nguyễn-văn chữ Pháp như sau này, đăng trong tập kỷ-yếu hội Tri tri, năm 1920:

« La critique n'est pas aimée chez nous. La plupart de nos compatriotes n'en comprennent pas bien le rôle et sont portés à confondre la critique artistique et littéraire avec la critique scienti-

fique. Pour beaucoup, le critique est ou un envieux ou un esprit chagrin, ou tout au moins un juge partial, voué par son tempérament et par ses prédilections au dénigrement systématique de ce qu'il ne peut goûter. Ce qu'il peut y avoir de vrai dans cette opinion appliquée à la critique esthétique ne saurait convenir à la critique scientifique. La science est déjà et tend de plus en plus à être envisagée comme le résultat d'efforts collectifs. Le temps n'est plus où l'on mettait sa gloire à formuler isolément de grandes théories originales que l'on s'inquiétait peu au fond de mettre d'accord avec la réalité, pourvu qu'elles fussent brillantes et éloquentement exposées. Meux avisés, des auteurs français veulent que la philosophie se dégage en quelque sorte d'elle-même de l'ensemble des faits, soigneusement recueillis et étudiés sous toutes leurs faces. Or, pour mener à bien un pareil labeur, ce n'est pas trop d'une armée de travailleurs se surveillant réciproquement et se signalant les uns aux autres les erreurs commises et les vérités obtenues. Chacun devient ainsi

tour à tour auteur et critique, et la critique nous apparaît elle-même une collaboration incessante à la grande œuvre du progrès scientifique ».

NGUYỄN-VĂN-TỐ

2) Sử cũ không nói thành Bình ở đâu, xây từ đời nào. Việt sử khâm-định chép đời nhà Lý có đảo con sông Bình-lỗ đề lên Thái-nguyên cho tiện, vậy thành Bình-lỗ có lẽ về vùng Thái-nguyên. Việt-nam sử lược tuy dịch là « trận Bình-Lỗ », nhưng không chua rõ trận nào, xét trong lịch sử ngoại xâm của ta từ đời nhà Trần về trước, không có lần nào đánh nhau ở vùng Thái-nguyên, không hiểu vì sao sách này lại gọi là « trận Bình-lỗ ».

NGÔ-TẮT-TỐ

Vì « ngày trước ông Lý thường-Kiệt phá quân nhà Tống ở đây ». Ông Ngô tất-Tổ không hiểu là tại ông không đọc hết: câu trên kia chép trong Việt-nam sử lược của ông Trần trọng-Kim, tập thứ nhất, trang 116 in lần thứ nhất, năm 1920 Bộ Khâm-định Việt-sử, quyển tám, tờ 36 b, dẫn quyển Dư-địa-chỉ của ông Nguyễn-Trãi như sau này: « Triều Lý đào sông Bình lỗ đề tiện đường đi lại trong lộ Thái-nguyên ».

NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu để đính chính. . .

tiếp theo trang 17

Giương buồm nhân gió thẳng giông,

Giữa dòng chằng sớ quanh vòng ngược xuôi.

Trích ở quyển Phong-cảnh biệt-chỉ, tờ 16b-17a.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ
biên-tập

1 Những bài văn đăng kỳ này chưa thấy ai in ra quốc-ngữ. Bài văn-tố đề là Tể - tử tể nhạc-phụ văn, xem có nhiều điều nhỏ, nhưng không thoát ra nôm, nghe như soạn vào cuối đời Lê. Bài Lĩnh-sơn và bài Chiến-hạm dịch ở văn chữ Hán như sau này: Tuyền-quang thành bát cảnh:

Lĩnh-sơn kỳ đài

Sừng-sơn nhất thốc xướng thiệu-nghiêu,

Kiết kiết can mao hạ cửu tiêu.

Tế-nguyệt bình lâm hoàn dạ dạ,

Tinh-huy cao quả cánh chiếu chiếu.

Nhơn trung dĩ giác quần phong tận,

Thành thượng như thu vạn lý diêu.

Thử địa lâm nhiên uy chỉ-xích,

Xu thương kỷ độ tướng quân-thiều.

Thành ngoại giang-đầu chiến-hạm lui.

Giang-đầu chiến-hạm

Ô-tường nhật nhật bạng cao đài.

Nhược thần thùy thiện thao-chư đả.

Tổ hiêm phương nhu tác-tiếp tài.

Thủy-tĩnh thiên-quang tùy trạo phát,

Dạ thâm nguyệt-ảnh ỷ bồng khai.

Trương phàm dĩ đình thừa phong viễn,

Bất dạn trung lưu tổ nhất hồi,

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 6

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỜ
DIÊU 韋 Huỳnh	tự Quang-viễn hiệu	Quảng-nam Diên-phước	N 38	1b		sơ danh Kim-Tích
DIÊU 韋 Nguyễn-quang	Tĩnh-trại	Thừa-thiên, Đàng-xương	S 19	15a		
DINH 蔭 Lê-dăng		Quảng-trị, Thuận-xương	N 16	3b		cũng đọc « Doanh »
DINH 蔭 Phan-dăng		Nghệ-an, Đông thành	S 29	8a		
DINH 營 Vô-ngươn		Nghệ-an, Quỳnh lưu	N 33	21b		cũng đọc « Doanh »
DĨNH 鄧 Cao-trọng	tự Hi-Liêu	Nghệ-an, Đông thành	N 36	26b		tổng mục và mục lục, chép là Sinh
DĨNH 鄧 Nguyễn		Đãi-dương, Bình giang	N 40	22a		
DINH 鄧 Trần-tú		Hưng-yên, Kim động	N 29	8a		
DĨNH 鄧 Trương-phước		Gia-dịnh, Bình dương	S 14	13a		nay là vùng Saigon
DOẢN 尹 Nguyễn		Quảng-trị, Hải lăng	N 40	15a		
DOẢN 允 Nguyễn-hữu		Không biết	T 4	21b		lãnh chức Điều-khiển tại Gia-dịnh
DOẢN 阮 Nguyễn-tằng	tự Tử-Cao	Quảng-trị, Hải lăng	N 36	24b		
ĐU 猷 Lý-ga	chút tác Bình-Đạo	Hà-nội, Kim-bảng	S 20	11a		
ĐU 楡 Mạc-công		Hà-tiên	T 6	12a		
ĐU 攸 Nguyễn		Hà-tĩnh, Nghi xuân	S 20	8a		
ĐU 璠 Phan		Hà-tĩnh, La sơn	N 32	15b		
ĐU 遊 Trần-vân		Quảng-bình	N 40	8b		
ĐỤ 誘 Bạch-vân		Thừa-thiên, Phú vang	N 40	10b		
ĐỤ 祿 Lê		Hà-tĩnh, La sơn	N 33	14a		
ĐỤ 韋 Nguyễn		Hải-dương, Vĩnh lại	N 42	1b		
ĐỤ 韋 Tôn-thất		Huế	S 4	7a		
DUẢN 刁 Lê-vân		Định-tướng, Kiến hòa	N 27	1a		nay Chợ gạo Mỹ tho
DUẢN 筭 Nguyễn-hữu	tự Trúc-Hiền	Quảng-nam, Duy xuyên	N 41	17b		cũng đọc « Quân »
ĐỤC 昱 Nguyễn	tự Tử-Minh	Quảng-nam, Hà đông	N 33	7a		
ĐỤC 韋 Nguyễn-khoa		Thừa-thiên, Hương trà	N 40	26a		
ĐUỆ 虐 Nguyễn-vân		Biện-hòa	S 15	16a		
ĐUY 懃 Nguyễn-vân	tự Nhữ-Hiền	Thừa-thiên	N 24	18b		em Nguyễn tri-Phương
ĐUY 韋 Thân-vân		Thừa-thiên, Phong-diễn	N 28	3b		
ĐUY 維 Võ-vân		Quảng-nam, Lễ dương	T 4	27b		
DUYÊN 緣 Võ-dinh		Bình-định, Phù cát	S 25	3a		
DUYỆT 悅 Lê-vân		Định-tướng	S 22a			
DUYỆT 閻 Nguyễn-thừa		Quảng-trị, Hải lăng	N 41	19b		
ĐỤNG 用 Trương-quốc	sơ danh Khánh, tự Dĩ-Hành	Hà-tĩnh, Thạch hà				

(1) T. : Tiên - biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỢP

Số 11 của CHU-THIÊN

CHÀNG cau mày tự hỏi vậy, rồi sức nhớ ra còn thiếu tờ bầm của hạt Đông-ngàn (1), chàng vội lật lại chồng giấy trên án, không thấy, chàng gọi gắt :

— Tên lính đi Đông-ngàn về chưa ?

Một vị n đô-lại đứng dậy, lại gần, ễ phép thưa.

— Dạ ! Bẩm thượng-quan, anh ấy chưa về ạ.

Chàng gắt :

— Lạ quá !

Vừa lúc ấy, tên sai binh đã vào lấy chào và để lên một phong giấy. Trần Long tay xé phong giấy lấy tờ bầm, nhưng mắt trông trông như tên lính và mắng hỏi :

— Sao mi về chậm ? !

Tên lính run sợ thưa :

— Bẩm thượng-quan, quan Phán-phủ đi vắng, nên tiểu-tốt phải đợi.

Trần Long không nói gì, nhìn đọc lướt qua tờ bầm, thấy lạ, chàng đọc kỹ lại rành-mạch rằng :

« Đông-ngàn Phán-phủ quan Nguyên-Bát, lập bầm :

« Nay thừa sự hỏi về việc quan Tham-quan Trần tướng-quân đi, đến thế nào mọi lẽ, xin cứ thực lập bầm : Ngày hôm kia, đúng giờ Ngọ, Trần tướng quân tới ban nha, xem hỏi mọi điều quan thiết, rồi hồi cuối giờ mùi, tướng-quân lui gót, không có điều-tiếng gì với bản-nha cả.

« Nhân việc Trần Tham-quan, tiểu-chức xin bẩm lên thượng đình một nghị-án : Cứ đơn trình của dân miền rừng Sắt vừa đệ lên bản-nha hồi đầu giờ Ngọ hôm nay, có một võ quan và một con ngựa bị giết tại giữa khu rừng ấy. Xem quần áo điện mạo và ngựa kẻ trong đơn,

tiểu-chức ngờ là Trần Tham-quan. Tiểu-chức chưa kịp đi khám nghiệm, không rõ đích xác, nên tạm chừa thêm vào tờ bầm này đệ lên quan Đề-đốc bản-trấn. Cúi mong thượng-quan minh xét.

« Nay lập bầm,

« Hoàng-hiến . . . »

Đặt tờ bầm xuống, Trần-Long ngồi lặng một lúc, ngẫm-ngẫm, rồi buột miệng kêu :

— Tội-nghiệp ! Mình đã biết mà !

Chàng đứng lên, giục quân lính đóng ngựa. Lui vào mà dặn Liên-Tướng và chào Phan phu-nhân ; trở ra giao công-việc trong dinh cho viên Phó Tham-quan quản nhận, rồi chàng vội vàng lên ngựa cùng với một toán lính đi liền, mặc dầu lúc ấy, giờ đã tối. Bọn lính theo hầu, không hiểu cơ gì, đều hoảng-hốt sợ hãi, lặng-lẽ ghi cương phóng theo chủ-tướng. Không ai nói một tiếng. Trần-Long còn mãi đắm-đuối vào suy-ngẫm, tính-toán, đoán-lượng ; lính hầu ai nấy nín lặng để nghe xem lệnh trên truyền bảo. Họ biết rằng, giữa lúc này ra đi, không phải việc thường. Cái đoàn người ngựa ấy cứ thẳng đường tiến về miền phủ Đông-ngàn. Chừng cuối giờ Tuất thì đến cổng phủ. Trên chòi canh nổi giạt lên sáu tiếng trống báo cộc-lồng tan trong bầu không-khí âm-thầm lặng-lẽ của nơi phố phủ vắng teo ! Quan Phán-phủ vội-vàng mặc áo tấc tím dẫn lính ra mở cổng thành lập chào :

— Tiểu-chức bái chúc đại-quan giá lâm !

Trần-Long ngẫm-ngẫm đi vào và vừa chào vừa hỏi ngay :

— Xin chào Phủ-quan. Bản-chức đến hỏi về việc nghị-án rừng Sắt. Phủ-quan đã đến nơi khám xét chưa ?

— Dạ, bẩm đại-quan, tiểu-chức đi khám ngay hồi chiều.

— Thấy thế nào ?

— Bẩm đại-quan, tiểu-chức đến nơi, thấy một người, một ngựa nằm chết ở ngay giữa khu rừng rậm, cả người và ngựa đều bị tên độc bắn xuyên qua cổ. Xét ra đúng là Trần Tham-quan. Tiểu-chức chưa dám cho mai táng, còn đợi bẩm lên đại-quan phán bảo.

Trần-Long vừa nghe vừa đi vào đến công-đường, liền đứng quay lại hỏi :

— Bản-chức muốn đi khám ngay bây giờ.

— Dạ ! Xin đề tiểu-chức cho đi sửa được.

— Được ! Phủ-quan cho sắp mau lên.

Quan Phán-phủ liền truyền lệnh xuống cho đội - cơ. Trong khi đợi, Trần-Long hỏi qu n Phủ :

— Phủ-quan có thấy gì khả-nghĩ không ?

— Dạ ! Bẩm đại-quan, đây chính là một vụ ám-sát. Thủ phạm hiện trốn, nhưng có lưu tự-tích lại.

— Đâu ?

— Dạ ! Bẩm đại-quan, tự-tích bằng nét mũi dao vạch trên đất bên cạnh tử-thi !

— Như g chữ gì ?

Đuốc đã đem lên, quan Phủ không kịp nói nữa, liền hai tay nâng tờ bầm lên đưa cho Trần-Long.

— Bẩm đại-quan đây !

Đuốc cầm nhựa thông cháy bốc lên ngùn ngụt sáng tỏ cả một cái sân và cổng phủ. Lính đã sắp hàng giữ ngựa. Quan Phủ lặng-lẽ đứng đợi lệnh quan Đề-đốc. Ngài đọc lướt qua tờ bầm rồi ngẩng mặt lên truyền :

— Thôi được ! Ta đi !

Hai quan xuống thêm lên ngựa. Một tên lính cầm đuốc đi đầu, kế đến đội cơ. Liền ngay đấy là ngựa quan Đề-đốc, rồi đến quan Phán-phủ. Đằng sau là các lính theo hầu quan đề-đốc. Những lính cơ ở phủ

cầm đuốc trừ đi tập hậu.

Đoàn người ngựa ấy hùng - dũng kéo đi trên con đường đất khúc-khuỷu, qua những ruộng những làng, trong đêm khuya vắng vẻ Chó các làng xủa ran lên khi đoàn quan quân đi qua. Những tuần tráng kính cần cầm đèn, cầm dao, cầm gậy cúi đầu chào. Quan quân cứ phăng phăng lạng lẽ tiến rất mau. Giữa giờ hội mới đến giáp rừng Sắt, đoàn quan quân đi thông thả lại ven rừng, luồn dưới những cây rậm rạp. Những dơi, những chim thấy ánh lửa và tiếng động bay vu vu lán loạn, đập vào lá rào rào. Qua mấy lớp cây, vào đến giữa rừng Kia bên một bụi cây, chấp-chờn hiện ra trước ánh lửa một con ngựa bạch năm nghiêng ghệch đầu lên bụi cây!

Trần-Long đi vượt lên hỏi :

— Đây ?

Quan Phủ-phủ cũng vượt theo và đáp :

— Bẩm đại quan vâng ! Đến nơi rồi !

Ngảnh lại, quan Phủ truyền :

— Đốt thêm vài ngọn đuốc nữa.

Thì vừa đến chỗ bụi cây. Mọi người đều xuống ngựa. Những con ngựa trông thấy ban đông loại nằm chết thảm hại ở đấy, đều hí ran lên và chồm nhảy như điên - cuồng. Bọn lính phải ra roi ngăn cản chúng trở lại thứ-tự. Còn hai quan không để ý gì đến ngựa cả. Quan Phủ dẫn thẳng Trần-Long đến chỗ tử-thi. Trên một khoảng đất khô, bên một gốc cây to, xác Tham quan Trần-Ngũ nằm ngay ngắn, mặt ngựa đầu gối lên một cái dế cây, hai chân ruỗi thẳng, hai tay buông soai soải lên trên mặt đất. Tuy chết đã ba hôm, mùi thối đã xông lên rức mũi phưng về nằm vẫn còn gọn - gàng nghiêm chỉnh đủ tỏ rằng kẻ sát-phân sau khi hạ thủ, đã đặt tử - thi vào đấy, để cho phi tang đi, hay là để thách thức quan chức cũng nên. Trần-Long nhìn qua tử thi, cau mày hỏi ngay :

— Phủ-quan cho khiêng tử - thi đi đây ?

— Bẩm đại quan, không ạ ! Vẫn

nguyên như thế; tiểu chức chỉn chỉnh dọn chuồng động gì cả.

— Được ! Thế giờ ta cho lật tử-thi lại xem nào ?

— Bẩm đại quan đọc hàng chữ bên cạnh hông này đã.

Quan Phủ vừa trở vừa ngẩng lên truyền :

— Soi gần đuốc vào !

Trần - Long liền cúi xuống đọc hàng chữ vạch sâu xuống đất :

— « Ngã mai Phan công - tử, đồ ngỗ - nhân hiếp lỗ phụ-nữ, bất bình cố sát chi ! » (Nghĩa là ta đây là Phan công-tử, qua đường gặp người này hiếp tróc đàn bà con gái, ta bất bình nên giết đi).

Trần-Long hết sức ngạc nhiên, tự nghĩ :

— Sao lại có sự kỳ-lạ thế ?

Rồi chàng nói to :

— Kỳ lạ thật !

Quan Phủ cũng tiếp theo :

— Bẩm vâng, kỳ lạ thật !

— Quân này to gan muốn thách-thức ta đây.

— Bẩm đại - quan, một là thế ! Hai là kẻ sát nhân cố ý làm cho khó tìm ra manh-mối.

— Cũng có lẽ.

Nói vậy, nhưng Trần-Long lại cúi xuống xem xét : Không có một vết thương nào, ngoài cái tên độc siên qua cổ, người chết. Chàng ngậm ngùi giây lâu, rồi thốt lên nhời thương - xót :

— Cũng một kiếp người !

Rồi chàng truyền cho một bọn lính ở lại canh tử-thi và sai mấy tên đem chôn con ngựa trước. Còn Trần-Ngũ phải đợi hôm sau có quan văn và trình lên quan Tổng-chấn rồi mới được mai-táng. Đoạn chàng và quan Phủ lên ngựa ra về với một ít lính hầu. Hai người vừa đi vừa bàn về vụ án mạng, suy rộng ra mọi nguyên-nhân để tìm tuơng-lịch hung-thủ. Quan Phủ hỏi Trần-Long :

— Bẩm đại-quan, đại quan cho Trần Tham-quan bị hại vì tư-thù hay là vì công-phần ?

— Có lẽ vì cả hai cơ. Bản-chức đã biết tính-nết Tham-quan vốn bạo-ngược, hay gây oán với nhiều

gười, nên bản-chức vẫn thường khuyên lão ta phải cẩn thận giữ mình.

— Bẩm đại-quan, cứ như thiên ý, thì tất có kẻ tư-thù đón đường giết Trần Tham-quan rồi bịa ra chuyện chòng ghẹo phụ-nữ, để che lấp tội của nó.

— Chưa chắc đã đúng thế. Cũng có thể là tự Tham-quan ghẹo gái mà ra. Nhưng điều ta có thể lượng đoán được là cái hiệu Phan công-tử kia tất không đúng. Vì một kẻ hiếp-sĩ, giữa đường gặp việc bất bình đã thi-hành thủ đoạn, mà không muốn chớ kẻ khác chịu tội oan, tất phải viết cả họ tên chữ. Sao lại xưng là Phan công-tử ? Mối ngờ là ở đấy !

— Vâng ! Bẩm như vậy đại-quan định truy-tầm thủ-phạm thế nào ? Tiểu - chức thiết tưởng hãy cứ băng vào cái hiệu Phan công-tử mà tìm nã rồi nó vỡ-lở ra !

— Phủ-quan nghĩ vậy chưa được chín lắm. Bản-chức định cứ sửa truy-tầm thủ phạm không thôi, để bắt tình nghi về xét hỏi. Còn một mặt ta cho lính đi do thám. Nói đến đấy thì cả đoàn đã về đến phủ nha. Sau tiếng trống báo nổi giát lên rồi lại trả ngay sự im-lặng của đêm trường. Lúc ấy mới vào độ đầu giờ tý. Quan Phủ mời Trần-Long lưu lại Phủ. Nhưng công việc cấp-bách, chàng cần phải về dinh ngay. Quan Phủ liền phái bốn tên lính hộ tống chàng về. Đoàn người ngựa lại mãi miết đi. Cuối giờ tý, mới về tới dinh. Trên chòi canh nổi trống báo. Nghe tiếng trống, Liên-Tường còn thức, vội mở cửa ra đón. Thấy chòng, nàng vui mừng lắm, vội âu yếm hỏi :

— Đại quan bận việc gì mà đêm hôm vội vàng vậy ?

Trần-Long mỉm cười đáp :

— Phu-nhân chớ ngại. Vì Trần Tham-quan bị ám sát nên phải vội đi lại vội về.

— Tham-quan Trần-Ngũ ?

— Vâng !

Còn nữa
CHU-THIỆN

1 — Phủ từ-sơn bấy giờ

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

mới phát hành

THI-THOẠI

Một kho tài-liệu vô giá của các nhà thơ, các nhà yêu thơ, các nhà nghiên-cứu thi-học, văn-học. Dầy ngót 300 trang, giá 2p.00, gần hết

LƯỢC-KHẢO VỀ

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

của Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ

Kiến-trúc-sư tại bộ Công Nam-triễn, đã được các báo *Annam Nouveau*, *Patrie Annamite*, *Trang-Bắc*, *Việt-Báo*, *Tràng-An* ngợi khen. Giấy Bouffant và giấy lệnh, còn 20 bộ, 8p.50; giấy thường giá 1p.50

ĐẠO-SỐNG

NGHIÊN-CỨU VÀ PHÊ-BÌNH CÁC CHỦ-NGHĨA ĐẠO-LÝ TRIẾT-HỌC ĐÔNG-TÂY

Tựa của cụ Thượng PHẠM NH

MỤC-LỤC SÁCH « ĐẠO SỐNG »

- I Khoái - lạc chủ - nghĩa: *Aristippe, Epicure, Bentham, Stuart Mill, Dương-Chu*
- II Cảm - tình chủ - nghĩa: *Adam Smith, Jésus Christ, Thích-Ca, Fichte, Tolstoi, Schopenhauer, Auguste Comte, Darkheim*
- III Lý - trí chủ - nghĩa: *Epictete, Marc Aurèle, Zénon, Jou, roy, Mặc-Tử, Lão-tử, Trang-Tử, Khổng-Tử, Mạnh-Tử, Tuân-Tử.*

IV Hình - thức chủ - nghĩa: *Kant*

Bản giấy thường giá: 2p.00

Bản giấy registre và lệnh chỉ (còn 30 bộ) 4p.00

Mua một cuốn xin gửi tiền trước thêm 0p.40 cước, không bán lẻnh hóa giao ngân

ĐANG IN SẮP XONG

HỌC - THUYẾT MẶC-TỬ

MỘT HỌC - THUYẾT XƯA ĐƯỢC SUY TÔN

NGANG HÀNG VỚI ĐẠO - HỌC NHÀ NHO

Giấy thường giá

1p.50

Giấy lệnh chỉ (có chữ ký tác giả)

3.00

(còn 3 bộ)

Giấy Bouffant (có chữ ký tác giả)

4.00

(còn 4 bộ)

Giấy Vergé baroque crème (có chữ ký tác giả)

7.00

(còn 2 bộ)

Thư từ và ngân phiếu để tên ông LÊ VĂN-HÒE

Giám-độc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

16 bis, rue Tien-Tsin — Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng

Administrateur Gérant: Dương Tự-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi